

TRƯỜNG CẢNH VINH
BIÊN SOẠN

Đọc học tiếng

QUẢNG - ĐÔNG
VÀ
QUAN THOẠI



LOẠI SÁCH TỰ HỌC

TRƯƠNG-CẢNH-VINH
biên soạn

Tự học tiếng

QUẢNG-ĐÔNG và QUAN THOẠI

LOẠI SÁCH TỰ HỌC



Mấy lời nói đầu

TẬP sách « tự học tiếng Quảng-Đông và Quan-Thoại » này xuất-bản với một mục-đích để giúp đỡ các bạn lao-động và thương-gia.

Việc buôn bán hiện nay. Tiếng Quảng-Đông và tiếng Quan-Thoại rất là quan-trọng, gần đây, bạn đọc hẳn cũng như chúng tôi thỉnh thoảng vẫn gặp một vài việc xảy ra trong ngày, rất đáng tiếc hai bên ngôn-ngữ bất đồng. Như vậy, vì sự thông-dụng của nó nên có nhiều người muốn học nói cho được.

Cuốn sách này soạn theo phương-pháp tối-tân. Để cho các bạn dễ tìm thấy những chữ cần dùng gấp, và dễ đọc, dễ hiểu. Gạt bỏ ra những chữ không cần thiết, chỉ cốt có những câu các bạn ứng-dụng hàng ngày.

Mong cuốn sách này xuất-bản để giúp các bạn đàm-thoại với người Quảng-Đông trong các công việc giao-thiệp hoặc mua bán. Một cách đặc lực vậy.

Saigon ngày 30 tháng 4 năm 1964

Soạn-giả Cần Bạch

Sin - lian - Trien - chian
 phut - kien - Phut - kien
 Thien - sau

GIẢI THÍCH CÁCH PHÁT ÂM

Trong quyển sách này chúng tôi có mượn thêm văn pháp ngữ để cho qui-vị phát âm đúng với tiếng Quảng-dông và tiếng Quan-thoại trong lúc tự học, và khi đàm-thoại được rõ-ràng hầu cho người nghe dễ hiểu hơn.

— Những vần : oul, ol, ol, ul, il, al.

■ Ví-dụ : ăn cơm : — xưc fâl — tsura fâl,
 chợ lợn : — thầy ngôl — thĩa ol.
 đèn pin : — tũl thũng — tẻl thũng.
 thuyền : — xũl — tsoal.
 kiểu mới : — xánh fôul — xil khoân.
 ông : — xil xang — xén xoi.

— Khi gặp chữ «TS» đứng trước một nguyên-âm. Xin qui-vị phát âm S thật mạnh.

— Khi gặp chữ «PH-» đứng trước một nguyên-âm. Thì xin phát âm thật mạnh. Như tiếng Pháp «P».

■ Ví-dụ : trà : — tsà — tsá.
 ngôl : — tso — chó
 vé : — phi — ph-éo

— Khi 2 nguyên-âm il, oo, và uu, viết liền nhau. Thì xin qui-vị phát âm hai nguyên-âm ấy bằng giọng kéo dài.

■ Ví-dụ : quần dài : — tsurong fuu — tsẻl phũa.
 hững nước : — choân xũl — chát xũy.
 hòm áo : — dũl lụng — dĩa xal.

Số đến

1 = dăil dăt 6 = lục lộc 100 = chăil pae
 2 = Dii lượng 7 = tsatt 200 = Dii pae
 3 = xam 8 = pát 1000 = thũn
 4 = xũ xây 9 = cẩu 10.000 = măn
 5 = ững 10 = xap

ững ững xap = 50

NHỮNG BÀI ĐÀM THOẠI CẤP-TỐC

DANH RIÊNG CHO CÁC BẠN
 LAO-ĐỘNG — THƯƠNG-GIA

Trang

3 — 37

+ cẩu? = + số l' bao nhiêu?

lạt thũn cẩu? 1000 + bao nhiêu

— tìm mai l' = bán bao nhiêu?

— cẩu quay l' = anh với em thế
 — cẩu cẩu l'

ngô' khan' tời càn
ngô' mian' cái xi' táng - tời = ló hợ p
fai ti' tác mian' - nhaut đc o?
ngô' ~~khân~~ khân' li' tăn - tời = ô' jais
đây.

LỜI CHÀO XÃ GIAO

Riêng bài này cho các học giả đọc thuộc lòng.

- Chào ông (hay Bà) (dùng buổi sáng)
Chữ xánh xil xáng (thai thái)
Xén xel cháo ăl (thái thái)
- Chúc ông đêm ngủ yên giấc.
Mạt ốl xil xáng. *mạt ốl*
Xén xel wạt ăl.
- Quý ông, quý bà. *Quý?* *coóc vậy?*
Cọt vậy xil xáng, thái thái.
Cờ vậy xén xel, thái thái.
- Xin lỗi, vì tôi đã phiền ông.
Tôi ầm chửa, mà sảl xai ni *này*
Tùng pũa tsia, mà sảl nị lo.
- Không, không sao đâu. *→* *mây? xảy lo*
Mụ, mụ kảnh diu.
Pũa, mủ quạt xii.
- Chào cô tạm biệt
Chọi kíl của lương.
Chái chèn của nểng. *chối kím / của lương*

ngày nhất vài ngày? Trong ngày hôm nay
có về = ?

- 4 -

7. Ông đi đâu đây?

Đây đây đi đâu? Nị hui pít tù a?
Nữ xáng nà ở tsuga?

8. Cái này là cái gì?

Lí tí hầy mách dẹ?
Chớ sửa sớm mờ?

9. Ông có mua được món gì không?

May to mách dẹ? Nị dậu mại tử mách dẹ mụ a?
Nữ dù mại táo sớm mờ tưng si mụ dẹ?

10. Cảm ơn. ừm/cờ

Cây xi dậu? Dậu xám, ừm cói, tó chè.
Báo lùn lạp có Mả fải nư, xé xé nư

Chú thích: Trên ba tiếng cũng đồng một nghĩa cảm ơn.

Sau đây là dùng ở các trường hợp:

Dậu xám } Dùng để cảm ơn người hỏi thăm mình mạnh
Khờ hào } giới hay về sức khỏe.

Ừm cói } Dùng để khi người cho vật gì, hay
Mả fải nư } Khi nhờ người ta làm việc.

Tó chè } Chỉ đề dùng về tiền mà thôi. Thí dụ:

Xé xé nư } Người khách giao tiền cho mình, thì phải dùng
tiếng "Tó chè" "Xé xé nư".

cây nhất = mấy ngày
cây hui = mấy giờ
up lờ = từ đây

đầu cầm ca mầu?
có hui giá dẹ = ?

- 5 -

BẠN LÁI XE XÍCH-LO

Đầu, đầu dặt xim?
h. 1. h. thoi

A: Xích-Lô!

Xích-Lô!

Xál luẩn tsó!

B: Ông muốn đi đâu?

Xil xáng hui pít tù?

Xén xól, xèng táo nà ở tsuga?

A: Đi đường hòa-hảo bao nhiêu?

Hui wò hủ cái kị tó tsil?

Táo hỏ hảo ché tó xáo tsel?

B: Dạ, cho xin mười đồng,

Pỉ xạp mánh hủ la.

Ký sửa khoái tsel hảo lờ.

A: Sáu đồng được không?

Lục mánh tắc lăm-tắc a?

Liều khoái tsel khở dừ má?

B: Xa lắm, xin ông cho thêm.

Hủ dục, tseng nị pỉ tó xé xủ.

Lúa tsen doel tó hờn, tsil kỳ tó di
tèl pa.

A: Thôi, tám đồng đi không?

Hủ la, pát mánh hui-ừm-hui a?

Hảo lờ, pá khoái tsel tsuga púa tsuga?

màu xai ló! tời hết rờ
hết

B : Mời ông lên xe.

Tseng xil xang xuong tsé.

Hào, tsil nli sang tsó.

A : Trên đường trơn quá, hạn đi chậm tí nhè!

*Mạ lủ hủ woach, ph-ăng dậu hàng
màl tí a!*

*Mà lủa pủa ph-ing thạt, tsing chủ
màl dủi tẻ!*

B : Dạ, tôi xin tuân theo ông.

Hủ, ngọ wụi xủ xắm la.

Hào, tsing nli sang xil.

A : Anh tốt quá.

Nị chánh hủ la.

Nli trở cò rần pủa tsuó.

A : Anh chờ tôi một lát, tôi còn ra vườn bách thảo Saigon.

*Nị lảng ngọ dách chánh, ngọ chúng
hui xỷ cung fa dủl.*

*Tsing lẩn dủi lẩn, huỷ thủ wỏ hải dẻo
láo xia cứng hóa đoẽl tsuá.*

B : Xin lỗi ông, tôi mệt lắm.

Toi ùm chuá, ngọ hủ xánh fủa la.

Tủi pủa tsia, wỏ thái lủi lỏ.

B : Không thể đáp thêm được nữa.

Mạ hỏ nằng chọi nị hủi a.

Pủa nằng chái xung nli tsuá ơ.

BẠN LÁI XE TAXI

A : Taxi, anh đi bao nhiêu một giờ?

Tich-xil, hủi dách tìm chúng kỉ tó tsil?

Tít-X, tả dủi xẻo sủa tuó xáo tsẻl?

B : Mỗi một giờ cho xin năm mươi đồng.

Dách tìm chúng, ụng xạp mánh.

Mỉ xẻo sủa wủa sủa khoái tsẻl.

A : Đừng đi nhanh quá nhè!

Mủ hói cum fai a!

Pủa dảo khái tở thái khoai!

A : Anh đưa tôi đi nhà Bưu-điện trước.

Nị chọi ngọ hủi dẫu-ching-cục xil.

Nli xẻl xung wỏ táo dủi chử tsuá.

A : Sau đi nhà băng Trung-quốc.

Dủi hủi chung-cột ngành kỏn.

Giản hủ táo chúng quỏ dủi hẩng tsuá.

B : Thưa ông, đây là nhà Bưu-điện

Xil xang, nị lủ hẩng dẫu-ching-cục la.

Xẻn xẻl, dủi chử táo lỏ.

A: Anh đợi ở đây.

Nị hãy từ tãng ngộ.

Tsıl nưi chái chờ ởr tăn dũ hoãy

B: Đây là nhà băng Trung-quốc.

Ni từ hãy chúng-cột ngành hỏn.

Chớ sừa chúng quả dũ hãng.

A: Anh có tiền lẻ trả lại không?

Nị dậu xắt chỉ chục fát mự?

Nưi dù lĩng tsáo chỏ hoãy má?

B: Thưa ông không có ạ.

Mự a xắt xắt.

Mự dù xén xól.

A: Vâng, anh cứ đi thẳng.

Củm, nị chỏi ngộ chục hui hủ la.

*Ná mợ, tsıl nưi xúng wỏ táo ná pén
tsuga.*

A: Quay tay phải.

Chul dẫu xầu.

Chỏl diu pẻl.

A: Quay tay trái.

Chul chỏ xầu.

Chỏl chỏ pẻl.

TIỆM BÁN GIÀY

A: Tôi muốn mua đôi giày.

Ngọ xưỡng mại toi hài.

Wỏ xàng mại lủi xẻ trửa.

B: Ông muốn lấy kiểu gì?

Nị diu mạch dẻ fỏủl xức?

Nưi xàng dẻo nử chùng khoản xừa?

A: Lấy kiểu sắn-đal.

Diu lưỡng hai fỏủl.

Dẻo lẻng xẻ tợ.

B: Ông thường mang số mấy?

Nị chược kỷ tó hủ hài?

Nưi tsól tợ xừa trửa háo?

A: Số 39 (ba mươi chín)

Xám xạp cầu hủ hài.

Xắt sừa chiều háo.

B: Ông thử đôi này vừa không?

Tsẻng nị xừi hạ nưi toi ngám-ủm-ngám?

Tsıl nưi xừa tsól khắt khắt?

A: A được rồi! Đôi này bao nhiêu tiền?

A ngám la! nưi toi kỷ tó tsıl?

Háo, hủn xẻ hỏ tó xỏo tsẻl?

B: Một trăm tám chục đồng.

Dách pạc pạt xạp mánh.

Dĩa pải pả xĩa khoái.

A: Mất thế! tiệm Mỹ kỹ chỉ bán có 160\$ a.

*Cum quây ca! nị-kì tú hầy mải dách
học lục xạp mánh.*

*Thái quấy lơ, pẽ tsúa chừa mải dĩa
pải liêu sĩa khoái.*

B: Hàng này là hàng tốt.

*Nì chùng hày xường tăng kê ơ xừc.
trĩa xĩa xáng tăng hoóa ơ.*

A: Anh có thể tính theo giá Mỹ-kỹ không?

Nị chiêu mi-kì ke ca tsil tắc-ùm-tắc a?

*Nìi khở dĩa pũa khở dĩa cháo pẽ tsúa ơ
chá tsẻl.*

B: Dạ không được a?

Ừm tắc a xil xáng.

Túi pũa tsĩa, pũa khơ dĩa.

A: Thôi được, anh gởi cho tôi đôi này.

Hủ la, nị báo pỉ ngọ nị tôi.

Hào lơ, nù thi wỏ páo tsĩa lữ.

B: Cám ơn ông, chào ông.

Tó chẻ xil xáng, chơi kil.

Xẻ xẻ nìi, chắt chén.

TIỆM BÁN ÁO

A: Chào ông! Ông cần mua vật gì không?

Xil xáng, nị xúi diu mại mách dẻ a?

Xén, xỏt, dẻo mại xỏm, mớ tủng xil má?

B: Xin ông cho xem cái nón này.

Tsẻng nị pỉ ngọ thầy nị tẻng mũ.

Tsil ký wỏ khắt chừa tìl máo trĩa.

B: Giá tiền bao nhiêu?

Kỷ to stỉl?

Tỏ xáo tsẻl?

A: Thưa ông, hai trăm đồng.

Dừ pạc mánh xil xáng.

Nẻng pải khoái.

B: Chà! Đắt quá, ông có thể bớt chút ít không?

Hủ quây a, nị hổ dỉi cảm dách tìi mụ a?

*Thái quấy lơ, hồ dĩa chẻl xáo xẻ
má?*

A: Nợ! đây bán giá nhứt định ông a.

Nì tú ca tsil hủ lự xạch ca xil xáng.

Chỏ ởr chá tsẻl xừa pũa ở chá ơ.

B : À ! Hiệu ông có bán áo « sơ mi » may sẵn không

Nị nị tũ dậu ~~đang~~ kũ xuyệt xám mại mụ ?

Tsil wãn trừa nị dù mại xết tsần tở xúa xát má ?

A : Thưa có, ông lấy áo dài hay áo cụt ?
Dậu, nị diu tsường xám wạt tũ xám ?
Dù, nị dáo nà địa chùng khoản xư ?

A : Lấy hàng nào ?
Diu pĩ dách chùng ?
Dáo nà địa chùng ?

B : Dài tay giá là bao nhiêu ?
Tsường châu kị tở tsĩ ?
Tsăng xiều tở chá tsẻ tở xáo ?

A : Giá chiếc áo này là một trăm đồng.
Nị kũ xám kê ca tsil dách pạc mãnh.
Dĩ pải khoái tsẻ.

B : Giới cho tôi hai chiếc.
Báo pĩ ngọ lượng kũ.
Tsil báo năng chén kũ wỏ.

A : Ông cần mua gì nữa không ?
Xil xáng nị chùng mại mách dẻ thiêm ?
Hải xư dáo mại pẻ tở má ?

B : Mua bao nhiêu đây đủ rồi, chào ông.
Mại cum tở câu la, chơi kũ.
Mũ dù tở, Chái chén.

TIỆM MAY ẬU PHỤC

A : Ông may cho tôi một bộ áo cưới.
Tsẻng nị pón ngọ chủ dách thu lậy
phục.
Tsil nũ thí wỏ chó dĩ tháo li phủa.

B : Cô muốn may kiểu bằng thế nào ?
Nị xưong chủ pĩ dách chùng soũl xư ?
Nị dáo chó nà dĩ chùng khoản xư.

A : Ông đây có sách kiểu áo không ?
Nị tũ dậu mụ xám soũl xư a ?
Nị chó ởr dù xư khoản xúa má ?

B : Sách kiểu áo đây.
Xám soũl xư hỷ cổ tũ.
Dù, tsil nũ khỏl khỏl.

A : Ông may bộ này tiền công bao nhiêu ?
Nị chủ nị thu diu kị tở tsĩ dách cụng ?
Nị chó chó tháo tở cụng tsẻ tở xáo ?

B : Năm trăm đồng.
Ưng pạc mãnh.
Wũ pải khoái tsẻ.

A : Bốn trăm rưỡi được không ?
Xĩ pạc ưng xạp mãnh tắc mạ ?
Xư pĩ wũ xư khoái khỏ dĩ má ?

B : Có là bạn của Khánh-Việt, tôi đâu dám
lấy nhiều.

*Nị hầy a hìng-duyet kê ph-ăng dậu
ngọ mụ diu tó la,
Nìl xưá tsing-dóe tơ ph-ên dụ, ná huấy
xổl quấy nớ.*

A : Vậy ông may cho tôi kiểu này, mấy ngày
có ?

*Hủ la, nị pón ngo chủ nĩ thu, kị xil
dậu ?
Ché giál, nìl chiểu kị wò chó diũ tháo
pa, tó xáo thét wải tsăn.*

B : Phải mười ngày mới lấy được.

*Diu xạp dạch chia dậu tắc lữ.
Tá cái xưá thét chó dú.*

A : Tôi cần dùng lắm, sáu ngày có thể được
không ?

*Ngọ hủ tằng dùng, lục dạch tắc mạ ?
Liểu thét khở diũ má ?*

B : Vậy tôi phải bỏ công việc khác, làm cho
cô trước

*Hủ la, hầy củm ngo chủ nị kíl xil lá,
Ná mớ wò thĩ nũ xẻl chó hào lơ.*

A : Tôi xin cảm ơn ông trước.

*Ừm cỏi xai nị xil,
Xẻ xẻ nũ.*

TIỆM CHỤP ẢNH

A : Ảnh này anh chụp ở đâu ?

*Lì chương xưong nị hầy píl tú đĩng a ?
Chớ cháng ph-ên chái nà ởr cháo lơ ?*

B : Chụp tại nhà nghệ thuật Hong-Mong đấy.

*Hầy hũng-mũng ngầy xưất diũ đĩng ca.
Chái hũng-mũng diũ xưá quải cháo lơ.*

A : Nhà chụp ảnh Hong-Mong ở đâu ?

*Hũng-mũng xưong diũ hầy píl tú a ?
Hũng-mũng diũ xưá quải chái nả lĩ ?*

B : Ở đường Nguyễn-Trãi số nhà 420.

*Hầy diũ chái cái xil pạc diũ xạp hũ.
Chái duyên chái ché, sừa pải ở xưá hào.*

A : Cảm ơn anh.

*Ừm cỏi nị.
Xẻ xẻ nũ.*

B : Dạ, không dám.

*Ừm xẩg ừm cỏi.
Pủa kúl tằng.*

A : Tôi muốn chụp vài tấm hình mỹ-thuật.

*Ngọ xưong đĩng kị chương mị-xuất
xưong.*

Wỏ xáng cháo chia cháng mị xưá xáng.

B : Ông muốn cảnh gì ?

Nị xưong diu mách dẹ chủ pui cing ?
Nìl xưạ dáo xôm mớ pì chừl má ?

A : Trắng đen, không cần cảnh, phải mỹ-thuật.
Diu hắc pục mĩ-xuít xưong, ùm diu
pui cing.
Pủa dáo, dáo hi pải mỹ xủa xáng.

B : Chup cho ông bằng kiểu này nhé ?
Ngọ pón nị đing li soũl hủ ma ?
Wỏ thừi nìl ph-ỏ chớ chừng hảo má ?

A : Hoi cho tôi mỗi kiểu ba tấm.
Xai pì ngô mụi soũl xám chường.
Kỷ wỏ xáy mỹ chừng xát cháng.

A : Ngày mai có thể được không ?
Thing dạch hỉ tắc mụ a ?
Ming thet lải nã khở diu má ?

B : Không thể được a, phải hai ngày mới có.
Mụ hỏ năng tắc a, diu hần dạch chừ
dậu.
Mỹ pát fã, chuấy khoai hu thet chải
đủ.

thỉnh dặc

TIỆM GIẢI KHÁT

A : Các anh muốn uống gì ?
Cọt wầy dăm mách dẹ a ?
Cờ wầy xil hoán hỏ xôm mớ ?

B : Cho một ly sữa nước trà.
Pì ngô dách púi tsỏ-nại.
Kỷ wỏ dii pì tsỏ-nại.

A : Vâng, còn ông này ?
Hủ, nì wầy xil xáng nể ?
Hảo, chớ wầy xén xót nỏ ?

C : Cho tôi một ly la-ve.
Pì ngô dách púi pẻ-chầu.
Kỷ wỏ dii pì pla-chiều.

A : Hai anh còn muốn ăn món gì ?
Lượng wầy xil xáng diu mách dẹ xưc
mụ a ?
Nềng wầy hải dẻo tsừa pẻ tẻ má ?

B : Chúng tôi vừa ăn cơm rồi.
Ngọ li ngám ngám xưc chỏ fát la.
Mỹ dẻo lỏ, wỏ mẻl káng tsừa hảo fát
lỏ.

C: Tiệm anh có bán rượu tây không?

Ni tù dậu xấy châu mái mả?

Nữ chớ lia dù mái chiều mả?

A: Anh muốn uống rượu nào?

Nị xướng dầm mách dẻ châu?

Nữ xong hờ xôm mớ chiều?

C: Tôi muốn uống rượu chát.

Ngo xướng dầm hùng-châu.

Wò xang hờ hùng-chiều.

A: Chúng tôi không có bán rượu chát.

Ngo ti mụ mái hùng-châu.

Wò mễ chớ ờ mỷ mái hùng-chiều.

A: Chỉ có bán rượu trắng và rượu thuốc.

Chữ dậu pác-châu thùng dước-châu.

Chừa dư mái dũi chiều hál giéo chiều.

C: Vay, anh lấy cho tôi ly rượu thuốc.

Hầy cùn, nị pỉ ngo púi dước châu lá.

Chớ dún kỹ wò dũi pi giéo chiều hảo lơ.

A: Một ly hay hai ly?

Dách púi á lượng púi?

Dũi pi hủo năng pi?

C: Một ly đủ rồi.

Dách púi câu lá.

Dũi pi hảo lơ.

A: Thưa bà, bà muốn dùng thứ gì?

Thai thái, nị xướng dầm mách dẻ?

Thái thái, nị dáo hờ xôm mớ?

B: Cho tôi một tách cà-phê.

Pỉ ngo dách púi cà-phê.

Kỹ wò dũi pi khá-fi.

A: Ông dùng rượu bồ hay rượu ngọt?

Xil xang dầm pủ châu wạt thim chậu?

Xén xól dáo hờ chiều mả?

C: Không, tôi lấy ly nước cam.

Um hủ la, ngo diu púi tsăng xúi.

Púa, kỹ wò dũi pi tsăng xúi.

C: Có làm ơn lấy cho tôi vài miếng đá.

*Của lượng, um cỏi nị pỉ ngo tó cầu
xuyt.*

Cùn năng, kỹ tó tẻl pít khoái.

C: Tỉnh tiền cô.

Cây xu của lượng.

Cùn năng, khál khál tó xáo tsel.

A: Cảm ơn ông, chỉ có tám đồng thôi ạ.

Pạt mảnh xil xang, tó chè.

Pá khoái tsel, xé xé nị.

TIỆM CƠM

A : Tôi muốn ăn cơm.

Ngọ xường xức fát.

Wõ xàng sửa fát.

A : Xin anh đưa tôi xem tờ thực-đơn.

Nị pĩ chương tsoi tál ngộ thầy.

Tsıl nị pà tsái tál nà lăi khát.

B : Ông muốn dùng thứ gì ?

Xıl xàng xức mách dẹ ?

Xén xót dèo tsıra xỏm mờ lỏ ?

A : Hôm nay có thịt heo không ?

Cầm dạch dậu chũa dục mự ?

Chıl thét dù mỷ dù chũa dỏ ?

B : Dạ có, nhưng vừa bán hết rồi.

Dậu, tál hầy ngám ngỏm mái xai la.

Dù, pủa có kàng mái wắ lỏ.

A : Còn món khác gì không ?

Chùng dậu tál dừ chũng mự ?

Hải dù pẻ tỏ má ?

B : Còn thịt bỏ, gà, vịt, lạp xường....

Dậu ngàn dục, cắy, ạp, lạp tsường....

Hải dù liêu dỏ, chia, giả, lá tsảng....

B : Hôm nay có canh chua, ông có lấy không ?

*Cầm dạch dậu xủl thón nị dừ. ừm dừ
a ?*

Chıl thén dù xỏt dũa thảng nừ dèo má ?

A : Cho tôi một chén đi.

Hủ, pĩ ngộ dạch wuốl.

Kỷ wỏ lăi dừ wan pả.

B : Ông dùng la-ve không ?

Xıl xàng nị dầm pẻ chầu má ?

Xén xỏl, nừ hỏ pỉ-chiều má ?

A : Cho tôi một ly rượu thuốc.

Pỉ ngộ pủi dược chầu.

Kỷ wỏ lăi dừ pỉ giéo chiều.

B : Ông còn lấy gì không ?

Xıl xàng chũng dừ mách dẹ mự a ?

Hải dèo pả tỏ má ?

A : Dù rồi, anh tính tiền coi bao nhiêu.

Cầu la, nị cắy xu thắy kỷ tỏ.

Củ lỏ, nừ xỏl khát tỏ xáo tsẻl.

B : Cầm ờn ông, ba mươi sáu đồng.

Tỏ chè xıl xàng, xám xạp lục mạnh.

Xỏl sửa liêu khoái xẻ xẻ nừ.

DI XE

A : Chào ông ! xin ông cho tôi biết xe này
chạy về đâu ?

*Tsêng mành xil xáng, nì ca tsé hui pit
lũ ?*

*Tsil wăn trĩa pũa tsó khái táo nà ở
tsuá ?*

B : Thưa ông, xe này chạy đường Sài-Gòn —
Mỹ-Tho.

*Xil xáng, nì ca tsé hui my-thó thùng
xây cung xil*

Sira khái xia-cúng hát my-thố tơ.

A : Xin ông cho biết mấy giờ khởi hành ?

Tsêng mành nì kỷ xil hoi hàng ?

Tsil wăn nà dii tẻl chúng khái xil tơ ?

B : Dạ, ba giờ chiều.

Hà châu xám tằm.

Xá wũa xát tẻl chúng khái xil.

A : Vậy tôi đi về đem hành lý trở lại.

*Hầy cùm, ngo phát hui lỗ hăng lị chul
lị.*

Chớ dấn wỏ tsuá nà xil lu chái lăi.

B : Xin ông mua vé trước.

Tsêng nì mại phi xil lá.

Tsil nù xén mại ph-éo hào tơ.

A : Có bao nhiêu hạng vé ?

Dậu kỷ tó chúng tsé phi ?

Dù chĩa chúng tsó ph-éo ?

B : Dạ, chỉ có 30% và 60% hai hạng thôi a.

*Chỉ dậu xám xap thùng lục xap lượng
chúng.*

*Dù xát xĩa hát liễu xĩa khoái nểng
chúng.*

A : Vậy, ông cho tôi vé hạng 60% đi.

*Cùm, nì pỉ ngo dách chương lục xap
mánh lá.*

*Nà mơ, kỷ wỏ dii cháng liễu xĩa khoái
tơ.*

B : Cám ơn ông, mời ông lại ngay nhé !

Tó chẻ xil xáng, tsêng nì fai tli lị a !

Xé xé nìl, tsil nìl cháo dii tẻl lại !

A : À, đồng hồ ông là mấy giờ ?

À, nì co chúng hầy kỷ tó tằm ?

À ! xén chái xĩa chĩa tẻl ?

B : Dạ, bây giờ là hai giờ thiếu mười lăm.

*Cá chành hầy dách tằm xil xap ụng
fánh.*

Xén chái xĩa dii tẻl xĩa sĩa wũa fán.

PHÒNG NGỦ

A : Anh bồi !

Fở ky !

Chát thât tờ !

B : Thưa ông, tôi đây ạ.

Xil xáng ngo hầy ní tà.

Xén xól, dù xỏm mớ xĩa mớ ?

B : Ông muốn gì ạ ?

Chù mách dẹ a xil xáng ?

Cái xỏm mớ ?

A : Còn buồng cho thuê không ?

Chùng dậu fỏn chú mụ a ?

Hải dù mỷ dù fãng chén ?

B : Thưa ông, còn ạ.

Dậu a xil xáng.

Dù, xén xól.

A : Giá tiền thế nào ?

Ca tsil tìm dưỡng ?

Chùa tsẻl dũa hỏ ?

B : Mỗi buồng tám mươi đồng một đêm.

Mui co fỏn pát xạp mánh dách mại.

Mỷ wál pá xĩa khoái.

A : Có quạt điện không ?

Dậu tít fúng xil mụ ?

Dù tẻl fúng xẻl má ?

B : Thưa ông, có ạ.

Dậu, xil xáng.

Dù.

A : Có chậu rửa mặt không ?

Dậu mít ph-ủl mụ ?

Dù xĩa lẻl ph-ủn má ?

B : Có ạ, ở ngay trong phòng ngủ.

Dậu, hầy mài fỏn nượi pít,

Dù, chát fãng chén nũa thủ.

A : Vậy, anh dẫn chúng tôi đi xem buồng.

Hầy cùm, nị tai ngo huỉ thầy cái fỏn.

Nỉ tái wỏ tsujạ khát khát fãng trờ.

B : Xin vâng ạ.

Hủ.

Hào, tsít kẻl wỏ lẻi.

A : Được, tôi lấy hai buồng.

Hủ, ngo diu lượng co fỏn.

Hỏ hào, liẻu kỹ wỏ nạng chén.

A : Tôi một buồng, ông bạn tôi một buồng.
Ngọ dách co, ngo ph-ăng dậu dách co.
Dli có wò trĩa trĩa, dli có wò tơ ph-ăn
dù.

B : Xin ông cho xem thẻ căn-cước đề biên số.
Ủm cói nị pỉ xánh-phành-ching ngo
tằng ky.
Mũ fải nư, kỷ xót-făn-chòn wò tấn chia
dli xá.

A : Tôi muốn tắm một cái trước.
Ngọ xưong tsung co lường xil.
Wò xeng xĩa chào tsuga.

B : Được, tôi xin dẫn ông đến buồng tắm.
Hủ, ngo tại nị hui tsung lường fôn.
Hào, dản wò tái nư táo dũa xĩa tsuga.

A : Có nước nóng không?
Đậu dượt xủi mự?
Dù mỷ dù dĩa xư.

B : Có, nhưng ông phải đợi năm phút.
Đậu, tại hủ dĩa tăng ưng făn chúng.
Dư, tsil nư tấn dli xá.

A : Được, anh cứ lấy cho tôi đi.
Hủ, nị lỏ pỉ ngo lá.
Hào, nư khoai tẻ nà kỷ wò pả.

GẶP BẠN

A : Anh đi đâu ?

Nị hui pỉ tầ.
nư tsuga nã lli ?

B : Tôi đi chợ.

Ngọ hui cái xil.
Wò tsuga ché xư.

A : Anh muốn mua đồ gì ?

Nị xưong mại mách đệ ?
Nư giéo mại xôm mớ tưng xil ?

B : Mua đồ chơi cho con nư.

Mại đệ pỉ xây lủ có fải.
Mại tưng xil kỷ ởr trĩa hoản.

A : À ! sang chũa nư mại anh đến nhà tôi chơi
nhé !

À ! lậy pai dách tu ngo ức khi fải hạ.
Ồ ! tsyền nư lả pai thét táo wò chá lli wál.

B : Giờ nào anh có ở nư ?

Nị kỷ tó tìm hủ ức khi ?
Xôm mớ xĩa hủ nư tsái chái chá.

A : Cả ngày tôi cũng ở nhà.

Xềng dạch ngo tú hầy úc khi.

Wò chiền thét tú chái chá.

B : Bây giờ anh tỉnh đi đâu ?

Cá hạ nị xướng hui pít tú ?

Xét chái nì tsuá nã lư ?

A : Có bạn rủ đi coi hát.

Dậu ph-ằng dậu dượt hui thầy hi.

Dù ph-lên dđ dđ tsuá khát tsli.

B : Vậy anh đi đi, để tôi ra chợ.

Flầy cừm nị hui la, tằng ngo hui cái xij.

*Ná mớ nì tsuá pà, dân wò táo xừu tsổng
tsuá.*

A : Chào anh, anh nhớ đến nhé !

Hủ, chơi kil, nị ky cảnh diu tu a !

Hào, chái chén.

B : Anh phải đợi tôi a

Nị ky tắc tằng ngo a !

Tsli nì dđ tiến tấn wò hào lo,

GẶP BẠN

A : Chào cô.

Hủ ma xiêu-chẻ.

A, xẻo chè nì hào má ?

A : Xin cô cho biết quý danh ?

Tsổng mành xiêu chẻ quây xing mng ?

Tsiền wẩn xẻo chè qui xiên miến ?

B : Tôi họ « Lương ».

Ngò xing « lương ».

Wò xiên « lên ».

B : Ông họ gì ?

Xil xóng quây xing ?

Nèn xól qui xiên miến ?

A : Tôi là « Thành-Đề ».

Ngò kiêu « xing-thầy »

Wò chèo chó « xính-thịa ».

A : Tôi rất hân hạnh gặp cô

Ngò hủ wng hàng kil tú nì.

Wò hân dùng xiên khát chén nu.

A : Có hiện tại làm việc ở đâu ?

Cả hạ xiêu chẻ hầy píl tú cũng chọt a ?

Xèo chẻ nìl mùa tsel chái nả lĩl cũng chỏ ?

B : Tôi vẫn còn làm ở chỗ cũ.

Ngọ dỉng dũl hầy dũl chĩl xuya cũng chọt

Wỏ dần dần chái dũl tsel tsuya cũng chỏ.

A : Có còn đi học buổi tối không ?

Nị chúng đậu mụ hui pũ chạp dẻ họt a ?

Nìl hải dù mỷ dù tsuya tựa dẻ xẹ ?

B : Không thì giờ đi nữa.

Mụ xil cal hui la,

Mỷ dù xĩa chén tsuya lơ.

B : Có rảnh mời ông đến nna chơi.

Đậu xil cal tseng hui ngo tsuya tso.

Dù khùng tsien nũl tào wỏ chái lĩl lỏ wỏl.

A : Nhà cô có còn phai ở dương phong-phủ không ?

Nị úc khĩ hầy ưm hầy chúng hầy fũng fua
cái a ?

Nìl chái xĩa pũa xĩa dần chái fũng-phủ
chẻ má ?

B : Không phải rồi ! tôi đã dọn đi đường gia-phủ rồi.

Ưm hầy la ! ngộ dỉl cũng pũl chỏ hui
cá-fúa cái la !

Pũa, wỏ dũl chĩn pũl chái lơ, pũl tảo chái-
phủ chẻ tsil.

A : Số nhà bao nhiêu ?

Muól ph-ai kỷ tó hủ ?

Mần ph-ai chia hảo ?

B : Số nhà 567.

Muól ph-ai hầy ưng pạc lục xap tsách hủ.

Mần ph-ai xĩa wũa pải liểu xĩa tsia hảo.

A : Xin thứ lỗi ! làm có mất thì giờ quá !

Tseng giul lưong, chỏ nị hủ tó xil cal.

Tsieng dẻl lẻl, mả fũl nũl lơ.

B : Có gì đâu.

Mụ quáh hầy (ưm cảnh diu).

Mỹ quáh xĩa.

A : Chào cô tạm biệt.

Choi kil xiêu chẻ.

Hào, chái chén.

TÌM BẠN

A : *Ài đó ?*

Pil co a ?

Xuống dĩa ?

B : *Đạ, tời.*

Hãy ngo.

Xưa wò.

A : *Anh là ai ?*

Nị hãy pil co ?

Nil xưa xuống ?

B : *Tôi đến kiếm người bạn.*

Ngọ li wánh ph-ăng dậu.

Wò lại chào ph-iền dừ.

A : *Bạn anh là ai ? phải ông giáo sư không ?*

*Nị ph-ăng dậu hãy pil co ? hãy ừm hãy cào
xưa xil xang.*

*Nil tở ph-iền dừ xưa xuống, xưa nà wi xén
xól má ?*

B : *À phải ! ông nhần tôi lại đây.*

Hãy la ! hãy khưi kiu ngo li ca.

Xưa, thả chéo wò tào ché lĩ lĩ tở.

A : *Có chuyện gì không ?*

Dậu mạch dẹ xil mụ ?

Dừ xỏm mớ xưa tsiền mỷ dừ ?

B : *Tôi muốn nói chuyện với ông.*

Ngọ xuống thùng khưi kón dẹ.

Wò xel chào chào thả.

A : *Vậy, mời anh vào đợi ông về.*

Hãy cùm, tseng dáp li tở tằng khưi fát là.

*Ché dân, tsiền chĩn lại chó pà, tăn thả wị
lũ.*

B : *Ông đi đâu ?*

Khưi hui chỗ pil lủ ?

Thả tsuaja lơ nã lủ ?

A : *Ông đi hớt tóc.*

Khưi hui chỗ fí-fát.

Thả tsuaja lủ fả.

B : *Mau về chứ ?*

Fát fát li mụ ?

Khoái wị lủ má ?

A : *Độ chừng 10 phút.*

Tài được xáp fánh chúng.

Tà dẹ xưa fán chúng.

B : *Phiền ông qua ?*

Mò fát xai nị.

Mò fát nil.

ĐÀM THOẠI TRONG NHÀ

A : Sao hôm nay anh về chậm thế ?

Chú mách đệ nị cầm mại fát cùm tsii a ?

*Chil thét wál xáng nil wí xôm mớ chệ dân
tsira wí lại ?*

B : Hôm nay ở sở bận quá.

Cầm dạch cùm xil hủ tó đệ chủ.

Dil wí cùm xira hál mại.

A : Anh có muốn uống nước đá không ?

Nị xướng dâm xuyt xúi ma ?

Nil tsia hoál hơ ping xuy má ?

B : Không, em đưa tôi gói thuốc.

Ủm diu la, nị tở pảo dil pì ngo.

Pủc tsil nủ nà pảo dẻl kỷ wó.

A : Anh hút nhiều quá.

Nị xực hủ tó la.

Nil tsau tở thái lỏ lợ.

B : Nhưng tôi mệt (buồn) lắm a.

Tát hấy ngo hủ xánh fũa (muöl) a.

Diẻl wí wó hál mải.

B : A này ! chiều nay ăn món gì ?

À ! cầm mại dáu mách đệ xung a ?

*Chil thét wál xáng tsua xôm mớ xúng tsái
né ?*

A : Có thịt bò, thịt gà và cua.

Dậu ngẫu dục, cầy dục thùng mại hại.

Dù liễu dừa, chia dúa hál xả chừa.

B : Tối lắm !

Hủ đệ !

Ná thái hào lợ !

A : Com xong rồi anh có đi đâu chơi không ?

Xực fát hầu nị dậu hui pít tù liệu mụ u ?

Fát hủ nil tà xuól tsi nả lữ wán má ?

B : Nếu em thích, chúng tôi đi coi hát bóng ?

*Dựa cở nị chúng dủ, ngo tì hui thầy hi hủ
ma ?*

*Dừa nil tsii hoál, wó hál nil tsuga khát tẻl
dỉng hào má ?*

A : Anh có mời thêm bạn nào không ?

Nị dậu tsẻng mại pít co ph-ăng dậu mụ a ?

Nủ dù chái dẻ pẻ tở ph-iẻl dù má ?

B : Không ! tôi chỉ đi với em a.

Mụ ! chỉ dậu nị thùng ngo nui.

Mỹ dù, chừa wó hál nil tsuga.

A: Chào anh Tin, có việc gì đây?

Hủ mạ xuân có, đậu mạch dẹ xii-mu?

Xii có nũ đào, dũ xỏm mờ xừ tsiel?

B: Tôi muốn mượn anh chiếc xe đạp nửa ngày.

Ngo xường che nị ca tãl tsé dùng poul dach.

Wỏ xàng ché nũ chã tãl chớ dúng dĩ xà.

A: Được, xe đây! anh cứ lấy đi.

Tắc, tsé hãy cõ tù! nị tsui pĩ lỏ la.

Khỏ đi, chớ chái ché ởr, nũ tsui pẻl nỏ pỏ.

A: Anh từ từ quá.

Nị chánh hãy hạc hi la.

Nũ thỏi khỏ tsí lơ.

A: Lúc này anh có gặp anh Xuân không?

Nị ph-ai nị áu kil tử a tsuấn có mạ?

Chil lải nũ ù khắt chén tsẻl cớ mỷ dĩ?

B: Anh Xuân đi đi-lạt lâu rồi, ông chưa biết sao?

Tsuấn có hủi chỏ tá-lạc hủ nỏi la, nị ùm
chia mé?

Tsẻl cớ sũa tá-lỏ hủi chiều lơ, nũ hải pủ
chứa táo má?

A: Thế a! tôi không biết.

Hãy mé! ngo ùm chĩa a.

Xừ xỏ! wỏ pủ chứa táo a.

A: Chị ơi! nếu cô ba lại, mời cô 11 giờ quay lại.

A ché! dũa cỏ xám của li, kiu khựi xạp
dách tìm chỏi li.

Chẻ chẻ a! dũa xỏl của táo, tsiẻl thỏ xừ
dũi tẻl chái chỏn lại.

A: Khi tôi đi vắng, chị phải cẩn thận nhà cửa nhé!

Ngo hủi chỏ cái, nị diu xieu xám úc khi a!

Tàng wỏ tsũa chẻ lơ xừ hủ, nũ dẻo xỏo
xiẻl mọn wạ dủ!

B: Xin bà cứ yên tâm, tôi không quên bổn phận.

Nị fon xám hủ la, ngo wủi ky tắc ca la.

Nũ sỏl xiẻl hảo lơ, wỏ pủ wi wỏl chĩa lơ.

B: Chào cô ba, cô phải thăm chủ tôi a?

Hủ mạ xám của, nị hãy wánh ngo chũa
dành mạ?

Xỏl kừa nũ hảo, nũ xừ chỏo wỏ chũa lỏl
mỏ?

C : Phải, bà nói cho chủ biết, tôi lời thăm a.

Hây, ùm cói nị kỏn pì khựi chĩa, ngộ là
wảnh khựi.

Xừa, tsil nưi thúng chứa thá, wò lăi chào
thá.

B : Chứ có lời nhận, bảo có 11 giờ quay lại.

Khựi dậu fánh fua, tseng nị xạp dách lưi
chơi li.

Thá dủ fải fua, tsil nưi xừa dủ tẻl chái lăi.

C : Chào bà, tôi lát sẽ quay lại.

Cho kıl la ph-ò, dách chánh ngộ chơi lưi.

Hào, chái chén, tũn dĩ xá wò chái lăi hảo'lo.

NHỮNG CHỮ PHÂN LOẠI

PHƯƠNG TIỆN CHO QUÍ-VỊ DỄ TÌM
THẤY NHỮNG CHỮ CẦN DÙNG

TRANG

41 — 64

MUA BÁN

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
mua	mại <i>mái</i>	mài
bán	mại	mái
rẻ	<i>phẻng</i>	ph-iễn
mất (đất)	quảy	qui
chủ tiệm	tiêm chủ	tét chừu
người khách hàng	cua hạt	quá khờ
nghe buôn bán	xương diệp	xát dẻ
lợi ích	<i>lợi ích</i> li dịch	lil di
lỗ vốn	xiết puốt	khủy pần
giá tiền	ca tsil	chá tsel
nói giá	kỏn ca	wất chá
cho thêm	pí thiếm	chấn tó
hàng hóa	fo mạch	sỏ wù
lên giá	hỹ ca	tsil chá
một tạ	dách tam	dii tát
một ló	dách tá	dii lá
một thùng	dách thùng	dii thùng
tiền thừa (dặt cọc)	lời lêng	lãi lینگ
còn có	chùng dậu	hải dà
tiền	cây xu	chũ sữa.

MUA BÁN

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
hiền toa	xẻ tál (hỏi lál)	xẻ tál
biền lai	xấu thiều	xú thẻo
thâu vô (thu vào)	xấu nhập	xú chiển
chỉ ra (xuất ra)	chia tsuất	chí tsúa
thối lại	chục fát	chào wáy
cờ phần	củu fánh	quá phần
hoa hồng	fá hùng	phá hũng
hạc lẻ	xắt chĩa	lĩng tsáo
ế hàng	hủ tằm	mĩ xính dĩ
bán lẻ	mãi xắt	liễu kũu
bán sỉ	fạt hạc	phủ khở
hóa đơn	fo tál	phó tál
hiệu buôn	xuống tiếm	xát tét
giấy giao kèo	hấp hũng chĩa	hớ thũng chĩa
trả tiền mặt	pỉ dĩl tsil	kũu xẻl khoản
bán khá	hủ xáng dĩi	hảo qính dĩi
nói thách	hỏi tài ca	khởi tài chú
thật rẽ	dĩng chánh ph-ên	hần ph-iền
rước mồi	chíp xáng dĩi	chẹ xính dĩi

ĂN UỐNG

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
cơm	fát	fát
cháo	chúc	chúa
mì	mil	mêl
hủ tiếu	fánh	făn
bánh bao	tài páo	tá páo
bánh mì	mil páo	mêl páo
bánh ngọt	thềm páo	thêl páo
bún khô	mậy fánh	mĩ făn
dùi heo mũi	fỏ thũi	khò thỏi
bơ	ngầu dầy	liễu dũa
mỡ heo	chứa củ	chúa cáo
sườn	ph-ài quách	ph-ải cựa
thịt gà	cấy dục	chia dũa
thịt bò	ngầu dục	liễu dũa
thịt cá	duyạ dục	dĩa dũa
vịt quây	xiếu ạp	xéo dạ
bít tếch	ngầu dục ph-ủ	liễu ph-ủ
hào ngư	páo duyà	páo dạ
nước tương	chương dầy	chát dừu

ĂN UỐNG

TIẾNG-VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
cà	khê	chá
khoai	xuğa	xũa
bí	quá	quá
tôm	há	há
cua	hại	xẻ
hến	hll	xẻl
bắp cải	dê tsôi	dễ tsái
ngó sen	lil ngáu	lẻl ngáu
giá	ngá tsôi	dá tsái
rau sống	xáng tsôi	xắn tsái
hột sen	lil chia	lẻl chĩa
nấm thông	hường xuán	xẻl xăn
khô mực	dầu duğa	dủ dĩa
cá mận	hằm duğa	xẻl dĩa
thịt sồi	lạp tsuồng	lả tsẻl
trứng gà	cáy tál	chĩa tál
nước mắm	duğa xủi	dĩa xuý
tôm khô	há mảy	há mi
canh chua	xủi thón	xỏl tháng
canh rau	tsói thón	tsái tháng
rau cải song	xây dưồng tsói	xĩa dảng tsái
hộp cá mòi	xá tít duğa	xá tít dĩa
muối, giấm	dùn, tsu	dẻl, tsúa

ĂN UỐNG

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
trà (chè)	tsá	tsá
ăn chay	xực chái	tsĩa chái
uống rượu	đầm châu	hờ chiều
rượu chát	hùng châu	hùng chiều
rượu thuốc	duợc châu	giẻo chiều
rượu ngọt	thim châu	thẻl chiều
rượu đế	bạt châu	pái chiều
la-ve	pé châu	pĩa chiều
nước lã	tung xủi	piển xuy
nước sôi	quảnh xủi	dé xuy
nước cam	tsảng xủi	tsần xuy
nước hơi	hi xủi	tsủi xuy
cà-phê	ca-fê	khá fi
cà-phê sữa	ca-fê-nại	khá fi nài
sữa tươi	xủi nại	xẻl nài
sữa trứng	tát nại	tát nài
xôi (cơm nếp)	nò mảy phal	nỏ mi fál
cơm ếch	thủl cấy fát	thẻl chia fál
hột cà-ri	ca li fảnh	chá lli fál
trứng nước sôi	quảnh xủi tát	quần xuy tát
sô-da	xỏ tả xủi	xỏ tả xuy
nước suối	khon tsủl xủi	kháng tsẻl xuy
nước cam tươi	xủl tsảng xủi	xẻl tsần xuy

Suyt = Đa' (lauf)
= Suyt

- 46 -

ĂN UỐNG

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
nước chanh	bing mung xui	ning mung xuy
thịt kho	hung xiu chua duc	hung xeo chua dua
cốt-nhát (cò-nhát)	fach lal ti chầu	fô lal ti chiều
nước chanh tươi	xil ning mung xui	xel ning mung xuy
nước chanh muối	hâm ning mung xui	hân ning mung xuy

BÁNH KẸO

bánh bít qui	bêng cól	bing cái
bánh tròn	dùl bêng	dê bing
kẹo hồng	giul thoón	dê thân
bánh trứng gà	tak xú	tal cáo
bánh dẻo	giul củ	doùl cáo
bánh kem	cáp xăm bêng	chả xil bing
bánh sấm-banh	xám pil bêng	xal bét bing
bánh chữ	xây chia bêng	xia chĩa bing
bánh bông	fá chim bêng	fá chel bing
bánh cá	duya chầy bêng	duya chia bing
bánh con ngựa	mạ chầy bêng	mã chia bing

- 47 -

BÁNH KẸO

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
bánh xốp	wấy fq bêng	wấy fá bing
bánh khảo	tsing xăm củ	tsiễn xil cáo
bánh sô-đa	xó tả bêng	xó-tả-bing
kẹo vừng (mè)	chii má thoón	chúa mã thản
kẹo nguyên-lử	dùl chia thoón	dê chĩa thảng
kẹo cây tròn	lầy chia thoón	lia chia thảng
kẹo cà-phê	cafe thoón	khá-fl thảng
kẹo đậu phộng	fá xăng thoón	fá xưng thảng
kẹo bạc hà	bột-hò thoón	bớ hờ thảng
kẹo hương khầu	hưóng hâu thoón	xel khừ thảng
kẹo chanh	ning mung thoón	ning mung thảng
kẹo trái cây	cỏ chim thoón	quô chel thảng
kẹo ô-va-tin	ô-wa-thil thoón	ô-hỏa-thel thảng
kẹo sô-cô-la	chuya-cua-lách thoón	chúa-cua-lĩ thảng
bánh bơ-tít-bơ	pách - lịch - pò bêng	pĩ-tơ-bô bing

TRÁI CÂY

quít	cach	chĩa
cam	tsăng	tsăn
đào	thù	thảo
dưa	quá	quá
lúa mì	mặc	mô

TRÁI CÂY

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
đậu	lầu	tú
chuối già	hương chiu	xét chéo
măng cụt	xàng chuc	xát chũa
trái vải	lầy chii	lũi chũa
xoài	moóng cõ	màng quò
trái thơm	pó lò	bó lò
trái chanh	ning mung	ning mung
trái lựu	séc lầu	sô lựu
trái nhãn	lùng ngạt	lùng dèl
quả cam	cầm cõ	cát quò
quả chám	lầm cãm	cát lâl
dưa hấu	xây quâ	xia quâ
đu đủ	mực quâ	mũa quâ
quả táo	ph-ìng cõ	ph-ìng quò
trái lê	suýt li	xé lý
cau	bánh loòn	băn lãng
cây mía	cầm che	cát chớ
củ hành	tsùng thâu	tsùng thủ
khoai môn	wũa thâu	wũa thủ
khoai lang	fâl xuya	fâl xũa
rễ cây	xuya khurong	xũa tsâl
trái nho	ph-ừ thầy chia	fủ thĩa chũa
trái ôi	cây xĩa cõ	chỉ xũa quò
mãng cầu	fâl li chia	fâl li chũa

CÁ

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
cá lóc	xàng duya	xing dĩa
cá mện	hâm duya	hãl dĩa
cá hấp	xực duya	xũa dĩa
cá chim	món duya	mát dĩa
cá khô	duya coón	dĩa cá
cá mập	xá duya	xá dĩa
cá ông	khing duya	tsing dĩa
cá sấu	ngọt duya	ô dĩa
cá thia-thia	cầm duya	chiên dĩa
vi cá	duya tsii	dĩa tsira
mắt cá	duya ngạt	dĩa dèl
đầu cá	duya thâu	dĩa thủ
đuôi cá	duya mị	dĩa mì
vây cá	duya luồn	dĩa lãn
cá mòi hộp	xá tít duya	xá tít dĩa
cá lười trâu	thạt xá duya	tả xá dĩa
cá bông	fá pát duya	phá pát dĩa
cá bông tượng	xuần họt duya	xần hơ dĩa
cá thu	mạ dộy duya	mả dù dĩa
cá tré	thón xách duya	thản xít dĩa
cá thát lát	tsách xing duya	tsii xing dĩa

XE CỘ

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
xe bò	ngầu tsé	liều tsó
xe dò	hạt tsé	khờ tsó
xe hàng	fo tsé	fó tsó
xe hơi	hi tsé	tsii tsó
xe lửa	fỏ tsé	khờ tsó
xe ngựa	mạ tsé	mả tsó
xe chữa lửa	cầu fỏ tsé	chiều khờ tsó
xe du lịch	dầu lục tsé	diều lli tsó
xe điện	tìl xil tsé	tél xél tsó
xe kéo	dành lục tsé	dần lli tsó
xe máy dầu	mô thọt tsé	mô thỏ tsó
xe nhà	xil cá tsé	xira chá tsó
xe taxi	tắc xia tsé	tỏ-xira tsó
xe tăng	thải hắc tsé	thải khờ tsó
xe thiết giáp	thiệt cạp tsé	thé chă tsó
xe location	dề cầy tsé	dề chia tsó
xe rác	lạp xạp tsé	lờ xợ tsó
xe gắn máy	ký tủng tsé	chli tủng tsó
xe đạp	tát tsé	tát tsó
xe autobus	pá xil tsé	pá xira tsó

Y PHỤC

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
áo, quần	xam, suu	xál, phũa
áo cưỡi	lậy sục	lil phũa
áo len	mù xam	mảo địa
áo tắm	dầu xuy dít	dùng địa
áo gai	mả xam	mả địa
áo sơ mi	xuyt xam	xúa xál
áo lá	quành tủng dui	pil xil
áo thun	láp xam	lịa xál
áo lót	tây xam	lil xál
áo dài	tsường xam	tsủ xál
áo hàng	tsầu xam	tsủ xál
áo trắng	pạc xam	bái xál
áo bông	sá xam	phá xál
áo cụt	tul xam	tồl xál
áo bầu	xam lẹng	xál liên
áo ao	xam trầu	xál chủ
quần xà lỏn	tuỏl suu	tồl phũa
quần tây	xay chon suu	xia chàng phũa

MÀU (sắc)

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
màu đỏ	<i>hùng xưc</i>	<i>hũng xớ</i>
màu vàng	<i>woong xưc</i>	<i>hoãn xớ</i>
màu xanh dương	<i>lâm xưc</i>	<i>lân xớ</i>
màu trắng	<i>pạc xưc</i>	<i>pái xớ</i>
màu đen	<i>hắc xưc</i>	<i>hì xớ</i>
màu tím	<i>chỉ xưc</i>	<i>chỉa xớ</i>
màu lá cây	<i>lục xưc</i>	<i>lúa xớ</i>
màu xám	<i>fúi xưc</i>	<i>fuy xớ</i>
màu cà	<i>khê xưc</i>	<i>khở xớ</i>
màu lam	<i>tsang woong xưc</i>	<i>tsân hoãn xớ</i>
màu sữa	<i>nại tsá xưc</i>	<i>nại tsá xớ</i>
màu cá vàng	<i>cầm duga woong</i>	<i>chiến dĩa hoãn</i>
màu hồ-thủy	<i>mùa-xuy-xưc</i>	<i>uũ xuy xớ</i>
màu cà-phê	<i>ca-fê xưc</i>	<i>khá-fi xớ</i>

THÂN - THỂ

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
đầu, óc	<i>thầu</i>	<i>thủ</i>
tóc	<i>fatt</i>	<i>fa</i>
mặt	<i>mil</i>	<i>mét</i>
mắt	<i>ngut</i>	<i>del</i>
trán	<i>ngac</i>	<i>ngư</i>
mũi	<i>pi</i>	<i>pì</i>
tai	<i>dịu</i>	<i>diu</i>
miệng	<i>hâu</i>	<i>khú</i>
môi	<i>xuân</i>	<i>xân</i>
răng	<i>ngá</i>	<i>dá</i>
lưỡi	<i>li</i>	<i>xỉu</i>
cằm (cằm)	<i>ngâm</i>	<i>hân</i>
cương	<i>hầu</i>	<i>hồ</i>
cổ	<i>keng</i>	<i>chiều</i>
minh	<i>xanh</i>	<i>xin</i>
thịt	<i>dục</i>	<i>dũa</i>
da	<i>ph-i</i>	<i>pĩa</i>

THÂN THỂ

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THANH
máu	huyết	xẹ
phổi	fây	phi
xương cốt	quách	quá
bụng	thụ	thừa
lông	mù	máo
thân	xanh	xần
gân	cánh	cần
gan	cól	cál
ruột	tsuong	tsúl
da vẩy	wây	wỉ
vù	duya	đĩa
tim	xâm	xiết
lông mày	ngạt mù	xét máo
lỗ mũi	pi có	pi khùng
ngón tay	xầu chi	xử chữa
móng tay	xầu chi cạp	chừa chả
ngón chơn (chân)	cước chi	chẻ chữa
đầu gối	xách thầu	xưa thủ
xương sống	chet quách	chưa quí
đùi (bắp vể)	pi	thui

TẬT BỊNH

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
ho	khách	khờ
mửa (ói)	ngầu	ừ
sưng	chủng	chùng
đui (mù)	màng	mản
câm	ả	dà
điếc	lùng	lũng
què	páy	pổ
ho lao	fây lù	fáy biển
bệnh trĩ	xáng chia	xần chữa
bệnh tả	xe	xé
phong thấp	fùng xấp	fùng xư
đau bụng	thụ thung	thừa thủng
tè bại	mà pi	mã pia
cùi (hủi)	mà fúng	mã fúng
vi trùng	mì khoáng	wi khăn
cúm gió, sởi mũi	xương fúng	xét fúng
chóng mặt	thần wánh	thủ sản
nóng lạnh, sốt rét	fatt lạng	fá lãn
bệnh dịch	dịch ching	dị chiến
chích	tả chằm	tả chần
trồng trái	chung lâu	chúng lú
nhức đầu	thần thung	thủ thủng
nhức răng	ngà thung	dả thủng

ĐỘNG - VẬT

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
beo	<i>ph-ao</i>	<i>ph-áo</i>
gấu	<i>hùng</i>	<i>hùng</i>
vượn	<i>dùl</i>	<i>dêl</i>
nai	<i>lục</i>	<i>lúa</i>
khỉ	<i>mạ lấu</i>	<i>hủ chữa</i>
voi (trông)	<i>chưong</i>	<i>chêl</i>
heo	<i>chứa</i>	<i>chua</i>
chó	<i>cầu</i>	<i>cư</i>
dê	<i>duong</i>	<i>dêl</i>
bò	<i>ngầu</i>	<i>liêu</i>
ngựa	<i>mạ</i>	<i>mả</i>
mèo	<i>méo</i>	<i>máo</i>
sư tử	<i>xia chiu</i>	<i>xia chira</i>
cọp (hồ)	<i>lụ sủ</i>	<i>lảo khia</i>
chó sói	<i>tsai lôn</i>	<i>tsai lảng</i>
trâu	<i>xuỉ ngầu</i>	<i>xuỉ liêu</i>
con chuột	<i>lụ xuya</i>	<i>lảo xua</i>
chim	<i>liêu</i>	<i>mả ché</i>
bồ câu	<i>bạc cạp</i>	<i>pai chạ</i>
hoàng anh	<i>woon ngán</i>	<i>wãng tưng</i>
chim két	<i>ding mụ</i>	<i>diễn wua</i>

NGÀY GIỜ

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
nửa giờ	<i>poul tilm</i>	<i>pál têt</i>
một giờ	<i>dách tilm</i>	<i>día têt</i>
một lát	<i>dách chánh</i>	<i>día xá</i>
bao giờ	<i>kỹ xil</i>	<i>chla xĩa</i>
bây giờ	<i>cá hạ</i>	<i>xêl chái</i>
quá giờ	<i>co chúng</i>	<i>quó chúng</i>
buổi chiều	<i>hà châu</i>	<i>xá wua</i>
khuya	<i>dê mại</i>	<i>xăn dê</i>
hôm nay	<i>cắm dạch</i>	<i>chil thêl</i>
tối nay	<i>cắm mại</i>	<i>chil wai</i>
sáng nay	<i>cắm chiu</i>	<i>chil chào</i>
ngày mai	<i>thính dạch</i>	<i>miên thêl</i>
một đêm	<i>dách mại</i>	<i>día wai</i>
một ngày	<i>dách dạch</i>	<i>día dĩa</i>
ngày thường	<i>ph-ing dạch</i>	<i>ph-iên dĩa</i>
tháng giêng	<i>chính duy</i>	<i>cnung dê</i>
tháng hai	<i>dii duy</i>	<i>ô dê</i>
tháng ba	<i>xâm duy</i>	<i>xal dê</i>

NGÀY GIỜ

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
tháng tư	xii duy	sira dè
tháng năm	ưng duy	wha dè
tháng sáu	luc duy	liêu dè
tháng bảy	tsách duy	tsiu dè
tháng tám	pai duy	pá dè
tháng chín	câu duy	chiên dè
tháng mười	xáp duy	xỉa dè
tháng nhuận	nhuân duy	dăn dè
cuối năm	nil mị	nêl mùa
tháng dư	duy tái	dé tá
tháng thiếu	duy xỉu	dé xèo
nửa năm	poul nil	pál nêl
một năm	dách nil	dĩa nêl
mùa xuân	tsuấn quây	tsăn qui
mùa hạ	hà quây	xá qui
mùa thu	tsầu quây	tsù qui
mùa đông	tùng quây	tùng qui
mùa mưa	duya quây	dĩa qui
mùa nắng	học quây	hải qui
trời mưa	duya thil	dĩa thêl
trời lạnh	nặng thil	lăn thêl

NGÀY GIỜ

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
có mây	dậu wanh	dù diên
có mưa	dậu duya	dù dĩa
mát mẻ	lượng xôn	lêl xal
nóng nực	thil hầu hing	dêl dè
chiều hôm qua	chọc mại	chỏ wai
chưa hết	lấy pai dách	lĩa pai dĩa
thứ hai	lấy pai dách	lĩa pai dĩa
thứ ba	lấy pai dĩa	lĩa pai ó
thứ tư	lấy pai xam	lĩa pai xal
thứ năm	lập pai xii	lĩa pai sira
thứ sáu	lấy pai ưng	lĩa pai wua
thứ bảy	lấy pai lục	lĩa pai liêu
tháng mười một	xáp dách duy	xỉa dĩa dè
tháng chạp	xáp dĩa duy	xỉa ó dè
tháng trước	tsil co duy	tsêl có dè
tháng tới	hà co duy	xá có dè
một năm bốn mùa	dách nil xii quây	dĩa nêl sira qui
mười phút	xáp fánh chúng	xỉa fân chúng
15 giờ chiều	hà châu xam tilm	xá wua xal têt
12 giờ trưa	chúng ưng xáp dĩa tilm	chúng wua xỉa ó têt
2 giờ tối (khuya)	dè mại lượng tilm	xăn dè lêng têt

QUYẾN THUỘC

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
cha	fũa tsánh (pá)	fũa tsil
me	mụ tsánh (má)	mũa tsil
chú	xúc	sũa fũa
bác	bạc	pỗ fũa
cậu	khậu fũa	tsiêu fũa
mợ	khậu mụ	tsiêu mũa
cô	cũa	cũa
di	dii	diũa mũa
trượng	cũa chưởng	cũa chål
thiêm	sâm	sãn mũa
chị dâu	tài xủ	tả xảo
em dâu	tầy fũa	tĩa fũa
em rề	mũi fũa	mũi fũa
em vợ	xây khẩu	xĩa tsiêu
anh vợ	tài khẩu	tả tsiêu
anh rề	chẻ fũa	chẻ fũa
anh cô cậu	piêu cô	bèo cô
chị cô cậu	piêu chẻ	bèo chẻ

QUYẾN THUỘC

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
anh	cỏ	cờ cỏ
chị	chẻ	chẻ chẻ
em trai	xây lủ	tĩa tĩa
em gái	xây mũi	mũi mũi
cha vợ	ngôi fũa	wái fũa
mẹ vợ	ngôi mủ	wái mũa
chàng rề	núi xây	nuũa xĩa
con dân	xãm ph-ư	xil fũa
cháu nội	nôi xủl	ni xỏl
cháu ngoại	ngôi xủl	wái xỏl
cháu trai	lãm xủl	nãn xỏl
cháu gái	núi xủl	nũl xỏl
tổ tiên, ông vải	chủ xil	chũa xẻl
tiên-sinh, thầy, ông	xil xảng	xẻn xỏl
vi-hôn-phu	mì fánh fũa	mũi fãn fũa
vi-hôn-thê	mì fánh tsấy	mũi fãn tsĩa
em cô cậu	biều tầy, biều muồi	pèo tĩa, pèo mũi
ông ngoại	ngôi cụng	wái chũa fũa
cha nuôi	khây bá	dẻl fũa
mẹ nuôi	khây má	dẻl mũa
anh em chú bác	xúc bạc hính tầy	xũa pỗ xúng tĩa
anh em bạn kết	kiệt pải hính tầy	chẻ pải xúng tĩa

DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
giấy	chĩa	chĩa
cây thước gạch	cal tsec	chêl tsira
bao thư	xuân fúng	xêl fân
cán viết	bách côi	pĩa cái
bàn toán	xul ph-ül	sól ph-ủl
viết chì	dùl pách	tsêl pĩa
vòng keo su	cáo hủl	chéo tsêl
nước keo	cáo xũy	chéo xũy
cục gôm	cáo tsat	chéo tsũ
bàn đá	xec pũl	xĩa pũl
sách	xuğa	xũu
cuốn tập	pũ	pĩa
đồ chuột viết chì	pách ph-ảo	pĩa ph-ảo
ngòi viết	pách chũl	pĩa chũl
phấn viết	fánh pách	fân pĩa
viết chì màu	xích pách	đêl xỏ pĩa
cây cọ (viết tàu)	mũ pách	mảo pĩa
côm-ba	dùl khuỷ	đêl khũy
binh mực	mặc ngáng	mở ph-iên
viên mực	mặc nấp	mở li
dây nhợ	xil khâu	xêl tsieu

DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
cái cặp sách	xuğa páo	xĩa páo
cuốn sổ	xu pũ	sũu puá
mực tàn (nước)	mặc chấp	mở chớ
kim bút	nganh chia chũm	dil chĩa chũl
giấy đánh máy	tả chia chũl	tả chia chĩa
giấy canh kê	co tầy chũl	qho tĩa chĩa
giấy kiến	pó lý chũl	pó lĩa chĩa
giấy chậm	danh xũl chũl	dil xũy chĩa
thời dung biên	xĩa cái piên	xĩa chêl pèo
hộp in dấu	danh xũc hắp	dil xỏ hỏ
viết máy	mặc xũl bách	chĩa lĩ xũy pĩa
ống bơm nước	mặc xũl pũm	mở xũy chèo quol

DỤNG CỤ HÀNG NGÀY

cái lược	xỏ	xỏ	木
đĩa	tiệp	tả	叉
dao	tũ	táo	刀
kềm	khiền	tsêl	
ly	pũl	pũl	
thùng	thũng	thũng	
lũm nước	xũl pũ	xũy páo	
binh trà	tsá wũa	tsũ wũa	
bàn chải	mạ tsat	mả xỏ	

DỤNG CỤ HÀNG NGÀY

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
bầu rượu	chầu wua	chủ ph-íl
cái kéo	cao chỉ	chèn táo
cái nút	chút coi	chút cái
cái chén	chệt wuol	wal
chải đánh răng	ngà tsal	dã xó
chảo đựng	tai wot	mó
nắp chảo	wot coi	mo cái
chén bông	fá wuol	fá wai
dao búa	fủa thau	láo fủa
dao phay	tsoi tú	tsai táo
đũa	fai chũa	fai chũa
hộp quet	fỏ tsai	khờ tsai
hộp đựng xà	cải hap	chét hờ
hông		
lò điện	lil lư	lét lư
lon nước	xuỹ hạt	xuỹ hử
muỗng	tsia cang	tsia cãn
nút ve (chai)	chuẩn chách	chuẩn chũa
ve (chai)	chuẩn chầy	xèo chuẩn
bàn, ghế	thời, lãng	thải, địa
bàn ủi điện	tít thon tầu	tét thát tít
chổi tre	chức ru pã	chũa xáo pã
chổi lông gà	cây mù xu	chũa mảo xáo

LOẠI CHỮ THƯỜNG DÙNG

Xin chú-ý : Trước bài những chữ phân-loại.
 Nếu quý-vị không tìm thấy những chữ mà quý-
 vị cần dùng, thì xin quý-vị hãy tìm theo thứ tự :
 a ă â b c ch d đ e ê g gh gi h i k kh l m n
 ng ngh nh o ô ơ ph qu r s t th tr u ư v x y
 trong bài Loại chữ thường dùng.

TRANG : 67 — 116

* Phụ-lục **BÁ-GIA-HỌ** — Trang 117 — 122 *

LOẠI CHỮ THƯỜNG DÙNG

A

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
ác-xít	khượng xít	tsêl xít
ánh sáng	cón xít	quáng xêl
ác thú	ot xâu	ò xù
án-mạng	mìng ón	miện ạt
án phí	thòn fáy	thắt fii
ảnh-hưởng	dĩng hưởng	diên xêl
ái-tình	ói tsing	ái tsil
ám hại	âm hoi	ạt hải
an-lạc	ồn lọt	ạt lơ
an toàn	ồn tsul	ạt tsoản
an ninh	ồn nùng	ạt niễn
an tâm	ồn xăm	ạt xiết
áo mưa	duya lấu	đia lừu
ám hiệu	âm hủ	ạt hảo
ám thị	âm xia	ạt xira
ám tả	mặc xê	mở xê
án định	ồn ting	ạt tiến
án chừng	của cây	quá chia
anh dũng	dĩng dụng	diên dùng
ánh đèn	tăng cón	tân quáng

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
ánh nắng	đương còn	dẻ quang
ánh trắng	duyl còn	dẻ quang
ao chuôm	tsia thòn	tsửa thảng
ảo thuật	mó xuất	mó xửa
anh hùng	ding hùng	diền xủng
ả-đào	có kỳ	cờ chia
a-phiến	ngá fil	dá ph-ét
ai-tử	oi chĩa	oi tsừn
an vĩ	ồn wáy	dl wuy
anh em bạn	ph-ăng dậu	ph-lên dừ
áo gôi	chầm thần tôi	chần thủ tại

Ă

ăm	ph-ư	ph-àn
ăn cướp	lả kíp	lả chẻ
ăn đêm	xiển dẻ	xéo dẻ
ăn vung	thần xực	thủ tsừa
ăn tiệc	dil nuối	dél wuy
ăn quen	xực qual	tsừa qual
ăn sống	ráng xực	xấn tsừa
ăn may (ăn xin)	hách xực	hờ tsừa
ăn mừng	hùng chúc	xiển chửu
ăn mặc	dl chược	dlia chỏ
ăn hiệp	hi fua	tsia fua
ăn năn	fai hăng	fuy hỏn

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
ăn bằm	thám tó	thát tó
ăn cánh	tsul thùng	tsét thùng
ăn chận	lặc xọc	lớ xỏ
ăn chịu	tsé xực	tsó tsừa
ăn giải	tắc chường	tỏ chát
ăn mảnh	tục xực	tủa tsừa
ăn tham	thám xực	thát tsừa
ăn nằm	thùng kui	thủng chia
ăn ở	ky xúc	chia xủa
ăn lời	xấu lý xực	xú lý xia
ăn tết	co xáuh nùl	quó xấn nẻl
ăn sanh	chủ xáng dạch	chó xấn dừa
ăn giò	chủ kỳ	chó chia dừa
ăn lễ	tái dạch chỹ	tá dừa chừa
ăn trâu	xực bánh lòn	tsừa păn lỏn
ăn cươi	dấm hỷ châu	tsừa tsừa chủ
ăn đầy tháng	chủ muọt duy	chó mản dẻ
ăn hối lộ	xực hắc tsil	tsừa hít tsẻl
ăn lột lông	xực tím xắm	tsừa tẻl xán
ăn quà sáng	xực chủ tsal	tsừa chạp tsát

À

ăm no	bảo nựl	pảo nỏl
ăm áp	oánh nựl	wấn nỏl 日安
au lo	dấu lúi	dù luy

TIẾNG-VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
âu đành	học chế	hỏa chờ
âm-thanh	xing dăm	xăn diên
âm-nhạc	dăm lot	diên dè
âm-dung	dăm dưng	diên dưng
âm-dộc	dăm tục	diên tủa
âm-hiêm	dăm hiêm	diên xel
âm-mun	dăm mầu	diên mù
án nghĩa	danh dli	án dia
án oan	danh dul	án del
án-lich	dăm lich	diên lia
án-loát	danh tsat	diên xòa
án-tinh	danh teing	diên tsien
ấn-độ	danh tu	diên tủa
ấn-châu	ngẫu châu	u chủ
âu-phục	xáy (dương) phục	dải fua
ấu niên	dâu nil	du nêl
ấu học	dâu học	du xê
âm uốt	tsieu xấp	tsèo xua
ân-cần	danh khành	diên tsien
ấn-quân	danh mù cục	diên mùa chia

B

bông	fá	foa
bài ca	cô khúc	cô chừ
bài học	cung fo	cung khờ

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
bài văn	mảnh chương	văn chál
bài liệt	ph-ai nít	ph-ai lé
bài thuốc	duọc fón	dé fán
bài trừ	ph-ai tsui	ph-ai tsui
b	ph-ay wây	ph-ai wil
bông đèn	tit tâng tằm	tán ph-áo
bất cá	chúc duýa	chó dĩa
bào cạo râu	xu ph-áo	xuá ph-áo
báo cáo	pu cu	páo cáo
bạc cắc	hủ chữa	hảo chữa
«bin»	tit xăm	tét xăn
bạc giấy	ngành chui	diên chữa
bán đấu giá	fut mái	ph-ó mái
bán lẻ	mái xul	liên xú
bàn cờ	khì ph-ül	tsui ph-ül
bản chép	fua päl	fua päl
bản chánh	chính fül	chiên päl
bản đồ	ti thù	tia thừa
bản kẽm	tit päl	tét päl
bản quyền	päl khuyl	päl tsél
bao thơ	xuân phún	xiên fúng
bao xa	kỷ dụcen	chia dël
bảo an	pủ ố	páo ố
bảo đảm	tám pủ	tát pao
bảo-hiêm	pủ hiêm	páo xel

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
bầu củ	xủ củi	xẻ chia
bảy giờ	cá hạ	xẻ xửa
bể mạc	bảy mọt	piá mó
bia mặt	fúng mủ	fúng mėl
bí thư (thư ký)	bí xuga	pi xúa
bị thương	xấu xương	xú xál
biên giới	bíl cái	pėl ché
biệt dạng	xách chúng	xửa chúng
biểu diễn	biểu dỉ	pẻo dẻl
bọ chết	cầu rách	củ xúa
bồi quế	chim coa	chẻl quá
bóng tròn	chúc khâu	chúa tsieu
bóng chuyền	ph-ái khâu	ph-ái tsieu
bú	dầm nại	diền nại
bì súng	chủi tẻl	chúra tẻl
bột gạo	mậy fẻnh	mủi fẻn
bột khoai	xuga fẻnh	xửa fẻn
bột mì	mủi fẻnh	mẻl fẻn
bột mì-tinh	xẻng fẻnh	xẻn fẻn
bơ	ngầu dầu	liều đủ
bột trứng	tẻl fẻnh	tẻl fẻn
bột mì chính	mì chính	ủi chiến
bột đậu	tầu fẻnh	tủ fẻn
bơ lỏi	dầu củi	diều xuy
bún tàu	fẻnh xía	fẻn xúa

排球

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
buồn lặn	chầu xía	chủ xía
buông tay	fon xấu	fẻl xủ
buu-cục	dầu cục	dủ chia
buu kiện	ủu kỉ	dủ chén
buu phi	dầu fây	du fủi
buột tay	xách xấu	xúa xủ
huống tối	hắc fỏn	hẻl fẻng
buồng tắm	tsúng lưởng fỏn	dủa xủa
bá-vương	pa wỏn	pẻ wẻl
bác-ái	pẻt ỏi	pẻ ỏi
hồ-xung	pủ tsúng	pủa tsúng
hồ-túc	pủ chúc	pủa chủa
hình thường	ph-ing xưởng	ph-iẻn tsẻng
bí mật	pi mẻch	piá mía
biệt thự	pít xỏi	pẻ xuy
bằng chứng	ph-ẻng chửng	ph-ẻn chiến
báo quán	pu kủl	pẻo quẻl
hải công	pẻ cẻng	pẻ cẻng
bồi thường	ph-ủi xưởng	ph-ủẻ tsẻl
báo cũ	cầu bu chủi	chiều báo chúra
bột nếp	nỏ mậy fẻnh	nỏ mủi fẻn
bột bán	xu cục mậy	xẻ của mủi
huống tiếp khách	wủi hẻc xách	wủi kỏ xúa
bóng bàn	pẻng pẻm khâu	chẻ tsieu

C

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
cà vạt	leen thái	liền tái
cái bóp	ngánh báo	ngần páo
cái tủ	quầy	quây
cái nón	leẽn mũ	tiền mào
cái càn	bả tsing	ph-iễn
cây dù	bả ché	xál
cắt di	chiển hui	chêl tsii
cần tiên	tsi xô	tsira xô
cửa sổ	tsưong hầu	tsal khii
con rệp	mục xách	mũa xĩa
cắm	cắm chũ	chiển chĩa
cò (tem)	dầu ph-iễn	dủ ph-éo
cừu sông	cầu xáng	chiểu xính
cửa sau	hầu mùol	hủ mỗl
cửa trước	tsl mùol	tsêl mỗl
cửa cái	tài mùol	tá mỗl
cửa cây	cái mục	cớ mũa
cũi chèn	wuol quây	wal quáy
cà rá	cái chia	ché chĩa
cối áo	tsui xám	thó dĩa
cối giày	tsui hái	ihó xê
căn phó	cál ph-u	dĩa chél ph-ua
căn nhà	cál ùc	dĩa chél ủa
cao rần	thây xũ	thũ xũa

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
cửa sắt	thịt chap	thê chạ
cước	tsò thần	tsỏ thủ
cước đất	tsỏ này	tsỏ nị
cái cửa	bả cửa	chia
cao đầu	thây thần	thĩa thủ
ca dao	có diên	cớ deo
ca khúc	có khúc	cớ chia
ca kịch	có khêl	cớ tse
ca hát	tsưong có	tsáng có
cà-rem (kem)	xuyt củ	xẻ cáo
cải chính	côi ching	cải chững
cán bộ	cón bù	cál búa
cạn ly	cón pui	cál pui
cẩn dạn	sánh suu	fán sũa
cắt (giải) nghĩa	cải xil	chê xĩa
cần dùng	xui diên	xủy deo
cánh cáo	kling cu	chiên cáo
cần lao	khánh lủ	khần lão
cần kíp	cánh cấp	chiên chia
cần khổ	khánh fũu	khần khĩa
cừu hỏa	cầu fỏ	chiểu khỏ
cừu cấp	cầu cấp	chiểu chia
cung cấp	cung khắp	cùng cỉl
cung chúc	cung chúc	cùng chũa
cơm nguội	lạng fál	lần fán

TIẾNG VIỆT

công việc
công hiện
công nhân
công cộng
con dấu
càng khổ
công ty

T. QUẢNG-ĐÔNG

xla mù
cung hào
cung nhàn
cung sang
thủ chương
khủng fùn
cung xii

T. QUAN-THOẠI

xuá wúa
cung xeo
cung lần
cung cùng
thủa chát
khủng khùo
cung xira

CH

chiếu
chém
chợ
chậu
chạy
chuỗi (đuôi) dao
chìa khóa
cháy nhà
châm dầu
châm đèn
chén kiêu
chiếu lát
chọn lựa
chót núi
chống cự
chộp bóng

chet
chăm
cái xii
fá fùl
chầu
lú peen
rô xii
fô chuc
chăm dàu
tìm tăng
tsii wuol
tsii chet
củ chạt
xáan tẻl
tỷ khon
đing hi

chịa
chát
ché xira
fá ph-ưng
chủ
láo piên
xíc xira
khò chũa
chấn dũ
lên lần
tsira wál
tsào chĩa
xét chó
xát tiền
tĩa kháng
điền tsia

TIẾNG VIỆT

chủ nhà
chuyện gặp
chó săn
chó cắn
chụp ảnh
chăm chỉ
chánh thức
chơn thành
chủ nhơn
chủ trương
chủ tịch
chuyên môn
chuyên gia
chương trình
chức viên
chương lý
châm phạm
chế phục
chế tạo
chết đói
chết chém
chết oan
chỉ phiếu
chỉ bảo
chỉ dẫn

T. QUẢNG-ĐÔNG

úc chũa
cấp xii
liệp cầu
cầu ao
đing xirong
khánh lực
chính xich
chánh xing
chũa dành
chũa chương
chũa chực
chuyển muol
chuyển cá
chương tsing
chức dũl
chương li
mát mál
cháy fuc
cháy chủ
ngó xii
chăm xí
wón xí
chil ph-têu
chỉ cao
chỉ danh

T. QUAN-THOẠI

ũa chĩa
chĩa xira
lẻ củ
củ ngáo
điền xet
tsiễn lĩa
chưng xira
chấn tsần
chũa lần
chũa cháng
chũa chĩa
chốt mỗl
chốt chá
cháng tsần
chĩa dẻl
chet lia
wól wál
chĩa phũa
chĩa cháo
ô xira
chát xira
wól xira
chĩa p-héo
chĩa chèo
chĩa dằn

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
chỉ huy	chỉ fây	chỉra hây
chĩa ra	fánh hoi	fánh khai
chiều tấp	tsieu chap	chéo chĩa
chiều bóng	lil dĩnh	tét diên
chiều cổ	chiều cua	chéo cùn
chiều ửng	chiều dĩnh	chéo diên
chịu đựng	tây xầu	lla xừ
chịu khổ	xầu fũa	xừ khũa
chọc ngheo	thieu hi	thẹo tsia
chọn lựa	xử chạc	xét chớ
chỗ ở	chứa chũ	chũa chứa
chờ đợi	tảng hầu	lần hủ
chơi giỡn	wil xiu	mặt xéo
chộp nhoáng	xim til	xét tét
chú ý	chứa dii	chũa dĩa
chú thích	chứa xích	chũa xĩa
chủ đề	chứa thầy	chũa thĩa
chủ-mưu	chứa mầu	chũa mủ
chủ khảo	chứa hão	chũa khảo
chủ nợ	chai chứa	chãi chứa
chủ tiệm	tin chứa	tét chứa
chuẩn bị	chuẩn bị	chẩn pũ
chài (ghe chài)	bot xuyền	tsét
chết dịch	dil ching xi	dĩa chứng xĩa
chết bất tử	tạc dil xĩ	tờ dãi xĩa

D		
TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
dá	tiêu tsòn	léo tsăng
dép	thó hải	thó xẹ
dây nịch	fua thầu tai	fũa tái
dầu « xăng »	til dầu	tét diên
dẫn bảo	fánh fuu	fánh fũa
dâng lễ	hiin lạy	xét lia
dọn nhà	puân úc	pát ủa
dọn dẹp	chỉng lý	chẩn lữ
dĩa bát	tsương tiếp	tsáng tẻ
dây giấy	hải tai	xẻ tái
danh thiệp	ming phil	miễn ph-én
dạy dỗ	cao fánh	chéo xiên
danh tiếng	mãnh mển	wần miễn
dao cạo	thây tú	thĩa lão
dây gai	xing chầy	tsần chứa
dây chỉ	dùl xil	dết xét
dấu hiệu	ki hủ	chĩa háo
dầu dừa	dề dầu	dề diên
dầu phộng	xăng dầu	xấn diên
dầu mè	mà dầu	mã diên
dầu nhót	cây dầu	cây diên
dầu thơm	hương xũ	xét xuy
dồi phần	tsà fánh	thũa fần

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
da dẻ	ph-ii súa	ph-ii súa
dây chuyền	cắm lữn	chiến lể
dĩa bàn	tsál tiếp	tsál lể
dầu cù-là	màl cắm dẫu	wál chiến diều
dầu lửa	fỏ xủi dẫu	khỏ xủi diều

D

đường mặt	mạch thườn	mĩa thái
đỉnh	téng	liến
đôi guộc	tôi khết	khể chữa
đèn cây (nến)	đương chuc	dảl chùa
đèn giới	lạp chuc	lả chùa
dau răng	ngà thung	dả thung
đen bin	tít thủng	tét thủng
đồng hồ reo	chúng piều	chúng pen
dọn gánh	đạm thiếu	lál theo
dăng báo	tăng pu	lấn páo
dón mừng	dìng chip	diền chẻ
dầu bếp	fỏ thẫu	khỏ thu
dắt cát	lầy xá	nủ xu
dá lửa	fỏ xec	khỏ xủi
dây giếng	chẻng tầy	chiến tia
dập tàu	lạp xủi	là tsỏi
dậu phộng	fả xẩng	hóa xăn
đen đường	cái tăng	ché lẩn

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
đen néon	kón kuỏl	quảng quẻl
đôi vớ	tôi mạch	hoả chữa
đội nón	tai mũ	lái mào
đường thẻ	fít thườn	ph-én thẳng
đường phèn	píng thòn	piển thẳng
đường cát	xá thòn	xá thẳng
điện thoại	tít wả	tét wả
điều kiện	thiếu kiển	theo chẻl
đôi bụng	thụ ngò	thừa ớ
đồng bào	thùng báo	thủng báo
đưa đám	xung banh	xúng păn
đào giếng	hỏi chẻng	khái chiến
đen dẫu hơi	fỏ xủi tăng	khỏ xủi lẩn
đá mài dao	mỏ tú xec	mỏ táo xủi
đen khi đá	tsầu xec tăng	tsủ xủi lẩn

E

e dẻ	}	hủng ph-a	khủng ph-á
e ngại			
e sợ			
eo biển		hỏi hạp	hải xẻ
eo ếch		diều pà	đéo pủu
em trai		xây lủ	tia tia
em gái		xây muối	mít mít
én		diển chử	dét chữa

TIẾNG VIỆT

ép bức
ép dầu

T. QUẢNG-ĐÔNG

át pít
cha dầu

T. QUAN-THOẠI

dà pỏ
chá diều

Ê

ê l
êm
êm ai
ếch
ế ăm

wáy !
ồn chình
dầu wỏ
thiin cấy
xàng dii nạng
lâm

wii !
át chiển
dủ hỏ
thên chia
xấn dĩa lằn tál

G

gừng sống
guốc bông
guốc sơn
gỏi thơ
gỏi hàng
gở (chải) dầu
gỏi đầu
gỏi ồm
gỏi giày
góc bàn
gan heo
gánh nước
gạch vuông
guốc trơn

xàng cường
sa khết
tsách khết
ki xuân
ki ơ
xỏ thần
xây thần
lâm chằm
hải chán
thời cọt
chứa duẩn
tám xủi
fón cái chuẩn
cón xánh khết

xấn chét
hóa khẻ
tsỏ khẻ
chia xiển
chia khỏ
xỏ thủ
xĩa thủ
lải chần
xẻ chần
thải che
chứa dẩn
tál xủy
fát chỏl
quáng xấn khẻ

TIẾNG VIỆT

gạch bông
ga xe lửa

T. QUẢNG-ĐÔNG

fá cái chúl
fỏ tsẻ chằm

T. QUAN-THOẠI

hóa chẻ chỏl
khỏ tsẻ chúl

GH

ghe
ghe buồm
ghim
ghi
ghi tên
ghế mây
ghế tròn
ghế nước

theng
fát xùl
khâu chằm
tằng ki
pu mễng
thằng dii
dúl tằng
tsà ki

thiễn
fát tsỏl
khủ chán
tấn chia
páo miễn
thần dĩa
dẻl tấn
tsả chia

GI

giấy nhám
giấy sứt
giày sắn đal
giày da
giao thiệp
giả mao
giao kèo
giấy dầu
giò heo
giơ tay

xá chũ
tsủ chũ
lường hải
ph-i hải
cáo chấy
cả mù
hấp thùng
dầu chũ
chứa cược
củi xầu

xả chứa
chảo xẻ
lẻl xẻ
ph-la xẻ
chéo chia
chả wủ
hỏ thùng
dủ chứa
chứa chèo
chĩa xủ

TIẾNG VIỆT

giường sắt
giám cầm
giám lỏng
giấy bóng
giấy quyn
gũ lưng
giấy chặm
giấy bố
giặt quần áo
giấy kiếng
giấy phép
giấy láng

T. QUẢNG-ĐÔNG

thịt tsòn
cầm cầm
dul cầm
lap chil
dũ chil
thỏ pui
chil xui
bạc bu hài
xây dia phục
pó li chil
dành tsing chil
lap cón chil

T. QUAN-THOẠI

thé tsàng
chél chiến
dól chiến
lả chĩa
dét chĩa
thỏ pui
chĩa xuy
pài púa xẻ
xĩa dĩa fũa
pó lia chĩa
lần tsien chĩa
lạ quặng chĩa

H

nom áo
hình ảnh
ham ăn
hàn (nổi)
hàng mới
hàng cũ
hàng tốt
hãng rượu
hãng tàu
họa đồ

dũ xưong(lung) dia xal
xưong fıl
thâm xưc
xư hỏl
xanh ỏ
câu ỏ
teen ỏ
châu hường
xưl tsòn
tì thủ

xáng ph-ẻl
thát tsĩa
xéo hắt
xắn kho
chiếu kho
háo kho
chủ xẻl
tsỏl tsal
tĩa thủ

MỤC-LỤC

Mấy lời nói đầu

Giải-thích cách phát âm

Những bài đàm-thoại

Lời chào xĩ giao	3
Bạn lái xe xích-lô	5
Bạn lái xe taxi	7
Tiệm bán giấy	9
Tiệm bán áo	11
Tiệm may áo-phục	13
Tiệm chụp ảnh	15
Tiệm giải-khát	17
Tiệm cơm	20
Đi xe	22
Phòng ngủ	24
Gặp bạn	27
Gặp bạn	29
Tìm bạn	32
Đàm thoại trong nhà	34

Những chữ phân-loại

Mua bán	41
Ăn uống	43
Bánh kẹo	46

Trái cây	47
Cá	49
Xe cộ	50
Y-phục	51
Màu (sắc)	52
Thân thể	53
Tật-bệnh	55
Động-vật	56
Ngày giờ	57
Quyển-thuộc	60
Dụng-cụ văn-phòng	62
Dụng-cụ hành ngày	63

Lời chữ thường dùng

a	ă	à	b	c	h	d	đ	e	ê
g	gh	gi	h		k	kh	l	m	n
ng	ng	nh	o	ô	ơ	ph	qu	r	s
t	th	tr	u	ư	v	x	y	.	.

Phụ-lục

Bá-gia-ho	117
-----------	-----

K

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
keo	cáo	chéo
kiến	ngậy	dĩa
kèn	la pá	lá pá
kế-hoạch	cây wai	chĩa hóa
kết-hôn	kịt fánh	chệ fánh
kiêu căng (kiêu ngạo)	kiểu ngu	chéo áo
kết quả	kịt cỏ	chệ quả
kiêu mới	xánh foul	xánh khoan
kêu cửa	kiêu muiol	chéo muiol
kính chúc	cing chúc	chiến chĩa
kim tay	kháu chĩa	khá chĩa
kiến lửa	fỏ ngậy	fỏ dĩa
kiếm ăn	wánh xực	cháo xính hủo
kẹt cửa	muol la	mêl lá
kỷ niệm	ky liêm	chĩa nêl
ký tên	tsim chĩa	tsêl chĩa
kêu tên	ai mêng	chéo miên
kim máy may	tsé dĩa chĩa	tsé chĩa
kiếng	ken, pó lý	pó lĩa
kỷ-sư	cúag tsing xĩa	cúag tsăn xĩa

KH

khô	fuo	khũa
khóa	xỏ	xỏ

TIẾNG VIỆT

khùng
khánh thành
khắc chữ
khăn tay
khăn lông
khăn mặt
khăn cổ
khai giảng
khảy đòn
khát nước
khăn đội đầu
kho bạc
khóa đủ
khóa cửa
khăn ăn
khoe khoan
khôn quá
khởi sự
khuyến lơn
khuôn
khuôn hình
khách sạn
khải-hoàn
kháng nghị
khảo cứu

T. QUẢNG-ĐÔNG

ngón
hối mọt
thiếu hắc
xấu cánh
mù cánh
mù cánh
vầy cánh
hối hoi
thải khảm
kẽng (hầu) hoi
thầu cánh
coọc fun
xỏ quấy
xỏ muối
tsal cánh
khóa chương
hủ chéng
hỉ xâu
huyền cu
ca, mũ
xương ca
hạt chát
hối xùl
khon dị
hảo câu

T. QUAN-THOẠI

ngủ
khái mớ
khởi chữa
xà cần
máo cần
mél cần
wí cần
khái xẻ
thải tsien
khủ hơ
thủ cần
quọ fua
xỏ quý
xỏ mễ
tsal cần
khóa chát
hần tsung miền
tsja xù
tsél cào
chá, mó
xét chá
lla té
hải xẻ
khái địa
khảo cũ

TIẾNG VIỆT

khăn ga
khiêu-vũ
khoa-học
khôi-hải
khôi-phục
khuất-phục
khủng-bổ
khắc nước
miếng

T. QUẢNG-ĐÔNG

kuól chung
thiu mụ
fó hot
fai hải
fai phục
woách fuc
hủng pu
thu hần xủi

T. QUAN-THOẠI

quál chung
thèo wôh
khớ xẻ
hóa khây
fii fua
wó fua
khùng pua
thúa khủ xuy

L

lu
lá
lốp (vỏ)
lạng
lội
lưng
lười cá
lớp học
làm việc
lá chuối
lạc đường
lặt vặt
lấy lại
trên lầu
lẻo mép
lễ-phép

ung
dip
tsé lúc
hưong tsul
dầu xủi
pui chet
đuợa mơn
fo xách
chủ xủi
chiếu dip
tòn xách dù
lạp chụp
lô fát
lầu xưong
tô chũi
lộg mào

úng
dê
tsé lủa
xét tsét
diều xủi
pui
dịa mól
khớ xủi
chó xủi
chéo dè
wii lủa
lợ chá
liễn fát
lủ xủi
tô chũi
lla mào

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
lên xe	cưong tsé	xôl tsô
lich tàu	thung xing	thung xing
lô rần	dầu xâu	dù xủ
lông gà	cấy mù	chĩa mao
lư hương	hương lù	xêl lùa
lưỡi sắt	thịt mợn	thê wân
lưỡi gai	xil mợn	xêl wân
lưỡi câu	đuợa ngấu	dĩa ú
lao động	lủ tưng	lũa tưng
lãnh tu	lặng châu	liền xiêu
lễ nghi	lậy di	lĩa địa
ly kỳ	lì khi	lĩa tsĩa
liền lạc	lil lợt	lệl ló
long trọng	lùng chùng	lững chùng
lộ phi	lủ sủy	lũa fii
lỗ mễng	lự mợn	lũa mại
luật sư	luật sĩ	lĩa xĩa
lục tỉnh	lục xãng	lũa xăn
lương tâm	lường xãm	lệl xiến
lưu thông	lầu thung	liều thung
lá thắm	xủl ph-iêu	xôl ph-éo
làm bậy (lộn)	chủ tso	chó tsó
láo lếu	mụ khóáy cuồi	mị quáy chia
lạ mặt	xáng mینگ dành	xăn mėl lạn
lò heo	thón chũa tsù	thán chũa tsạo
lãnh lương	tsuất lưong	liền xăn

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
làm biếng	nại tò	lại tò
làm ruộng	cán thil	căn thel
lò than	thal dui	thal dêu
lời tôi	thịt nỉl	thê lẹl
long nhãn	lùng ngạt	lững dẻl
long đèn	tãng lũng	tăn lũng
lò rèn	tả thịt lủ	tả thê lũa
làm ơn	lủ fải nị	lũa fải nĩa
lò vôi	xec phui điu	xĩa khủy dêu

M

ma	quây	quây
mền	chil	chẻl
mừng	mánh chương	wăn chát
máy thang	tỉl thấy	tẻl thĩa
mắt kiến	ngạn keng	dẻl chiến
mắt hờn	xách wánh	xĩa liến
mãn nguyệt	muột duyết	mại dẻ
mài dao	mỏ lủ	mỏ lảo
máy may	diit tsé	dĩa tsô
màn ảnh	fĩ kỳ	fĩ chia
máng xối	ngành mọt	diến mỏ
mắt lẹ	xủi tsủ	xưng tsảo
một mắt	tu ngạt	tảo dẻl
mắc cỡ	tát ngạt	tát dẻl
	ph-a lẫu	ph-a lẫu

TIẾNG VIỆT

mặt nạ
mấy
mất đồ
mất dạy
mất tích
mèo kêu
mèo mun
mèo con
mèo đực
mèo cái
mía lau
miệng giếng
mở ra
mức nước
mũi xe
mạo hiểm
mục đích
mưu hại
môn bài
mỹ thuật
mỹ lệ
mạng lưới
mai phục
mai táng
mẫu giáo

T. QUẢNG-ĐÔNG

mil cừi
kỉ tó
xách đệ
xách cao
xách chùng
máo kiu
hắc máo
máo chầy
máo cụng
máo nả
chúc che
chẽng hầu
tả hời
fách xui
tsé ph-ùng
mù hiêm
mục tức
mẫu hời
moùl ph-ai
mị xuất
mị lầy
mìng ling
mãi phục
mãi choon
mụ cao

T. QUAN-THOẠI

mél chta
chla tó
xira wua
xira cháo
xưa chùng
máo chéo
hii máo
xèo máo
máo cụng
múa máo
chúa chó
chiện khủ
tả khái
fũg xuy
tsó fũng
máo xel
múa tạ
mủ hải
mẻl ph-ai
mũl xưa
mũl lia
miễn liến
mãi fũa
mãi chál
mũa chéc

TIẾNG VIỆT

mất cá
mến thương
mến tiếc
miễn cưỡng
miễn phí
miễn thuế
miễn đường
mím cười
mở mang
máy quạt
máy dệt
máy đánh chữ
máy chụp ảnh
máy khâu thanh
máy tính
máy tuốt
mệt quá
mừng quá
mịch lòng

T. QUẢNG-ĐÔNG

cưọc ngạn
oi mù
dủl xưc
mịl khượng
mịl fây
mịl xui
miểu thoôn
mì xiêu
hói ph-ich
lil fũng xil
chích pu kỳ
tả chil kỳ
đĩng xưong kỳ
xấu dãm kỳ
cây xư ki
kỉ tó xui
hủ xánh fũ
hủ fólul hi
xưong cãm tsing

T. QUAN-THOẠI

chèo dẻl
ái uĩa
dẻl xĩa
mẻl tsẻl
mẻl fit
mẻl xuy
mẻo thal
wịi xéo
khái pia
fũng xẻl
chĩa pũa chĩa
tả chĩa chĩa
diễn xẻl chĩa
xủ dĩễn chĩa
chĩa xũa chĩa
tỏ xẻo xuy
hào xăn khủ
hào khoál tĩa
xẻl cẻl tsing

N

no
nón lá
nón nỉ
nông nghiệp

páo
lá mũ
chitn mũ
nùng dịp

páo
tsào mảo
chẻl mảo
nùng dẻ

TIẾNG VIỆT

neo (mỏ neo)
núi
nuôi
nông phu
nắm thử
nút áo
nắn lòng
nạn trời
nàng dâu
nằm lại
nằm xuống
nắp hộp
nón rơm
nạc (thịt nạc)
năm rơm
năm mèo
nấu
nấu cơm
nấu canh
nền tảng
nỉ đen
no đủ
nóc nhà
nói chơi
nói thiệt

T. QUẢNG-ĐÔNG

nao
xál
dượng
nùng fáu
xường xii
xám nầu
fui xám
thil chỏi
xanh nường
chá mai
fanh lầy
hộp coi
tsủ mũ
xâu dục
tsủ của
vành dji
pủ, chuỷa
chuỷa fál
pủ thón
ki tsỏ
hắc dủng
mucl chuc
ngạ mĩl
cỏn xiu
cỏn chánh

T. QUAN-THOẠI

nao
xál
dèl
nùng fuá
tsủ xira
xál nủ
hủy xiển
thel chái
xắn nẻl
hợ lại
xuy tia
hợ cái
tsáo máo
xủ dũa
tsáo quỏa
diễn ở
páo, chũa
chũa fál
páo thail
chia tsừa
hủi dủng
mỏl chũa
dỏ mèl
chẻl xẻo
chẻl chẵn

TIẾNG VIỆT

năng lực
nỗ lực
nội dung
nap thuế
nón cối
núm vú
nữ học sinh
nữ điều dưỡng
nữ khân hộ

T. QUẢNG-ĐÔNG

năng lực
lự lực
nời dủng
nap xui
pạc thùng mủ
ngầu nại chũi
nụi họt sáng
nụi hỏl, wũa

T. QUAN-THOẠI

nần lía
nũa lía
nủ dủng
nỏ xủy
pủl thùng máo
ngữ nại chũi
nuỷa xẻ xắn
nuỷa khẻl wũa

NG

ngán
ngang
ngọc
ngôi
ngựa
ngủ
ngà voi
ngả xuống
ngăn cản
ngâm nước
ngâm rượu
ngó thấy
ngó chừng
ngón tay

dim
wàng
dục
ngạ
hành
fanh cao
chường ngỏ
phục lầy
chỏ chủi
châm xủi
châm châu
mỏn kiển
mỏn (thảy) chũa
xủu chỉl

dẻl
wáng
dũa
dẻ
hần
xủy chẻo
xẻl dỏ
fũa xỏ
chỏ chũa
tsấn xủy
tsấn chũa
wáng chẻl
wáng chũa
xủ chũa

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
ngón cẳng	cược chỉ	cheo chứa
ngồi xuống	lso tấy	chó tta
ngực	xăm hầu	xấn khui
ngược	tiu chul	téo chól
ngán phỉ	ngánh ph-iu	diễn ph-éo
ngán hàng	ngánh hòn	diễn hăng
ngán khó	ngánh fuu	diễn súa
nguy hiem	ngầy him	wii xel
ngược đãi	duọc lồi	dé tái
ngạc nhiên	ngọt dil	ô dẻ
ngừng, dừng	thìng	thiêng
ngựa đua	tsoi mạ	tsái má
ngăn ngừa	fòn pi	fải pii
ngái	con thẫu	cái thủ
ngoại-kieu	ngôi khiêu	wái tséo
ngoan cổ	wal cua	wải quúa
nguy cấp	ngầy cấp	wiia chia
nguyên cáo	dùl cu	dẻ cáo
nguyên đán	dùl tal	dẻ tál
nguyệt san	duyt hỏl	dẻ hál
ngôn ngôn	fủl xiu	khoán xéo

NGH

nghe	théng	thiễn
nghèo	khùng	khủng

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
nghet	xắt	xó
nghe nghiệp	chức dịp	chủa dẻ
nghet mũi	pi xắt	piá xó
nghiêm cấm	dìm cãm	dẻn chiễn
nghiên cứu	dil câu	dẻn chiễn
nghiệp chủ	dịp chuỷa	dẻ chứa
ngị viên	dị dủl	dĩa dẻl
ngị lực	ngầy lực	wii lla
ngiệp vụ	dịp mù	dẻ wúa
nghe lóm	thẩu thềng	thủ thiễn
nghe lời	thềng tsùng	thiễn tsùng
ngỉ mát	pi xuyả	piá xúa
ngỉ ngờ	xia dủl	xỉa dĩa

NH

nhỏ	xây	xeo
nhuộm áo	diêm xám	dẻl xáu
nhang muỗi	mánh hương	wán xel
nhà bếp	xuỷa fỏn	tsựa fải
nhà băng	ngánh hòn	diễn hăng
nhà xe	tsẻ fỏn	tsỏ fải
nhảy dù	thiêu xal	théo xál
nhận lỗi	dìng tso	dủn tso
nhận lãnh	xấu tu	xủ táo

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
nhìn nhận	xìng dìng	tsân dăn
nhọc lòng	tám xăm	tát xiển
nhỏ răng	thuyt ngà	tháo dă
nhà xác	liêm sòn	lét sắ
nhà máy xoay	sỏ cảo	khỏ chào
nhà đoan	xui quál	xùy quál
nhớ	ki tắc	chỉa tợ
nhơn dịp	xìng ki	tsân chia
những nước	xấp xúi	xưa xùy
nhúm lửa	thầu sỏ	thủ khô
nhập học	dập họt	dừa xẻ
nhập ngũ	dập ụng	dừa wúa
nhị đồng	dil thùng	ở thủng
nhiệm vụ	dầm mù	dăn wúa
nhật độ	dịt tù	dẻ tha
nhật tâm	dịt xăm	dẻ xiển
nhân dân	dánh mãnh	dăn miển
nhân khẩu	dánh hầu	dăn khừ
nhu cầu	xuối khẩu	xùy tsiển
nhũ danh	duya mềng	dĩa miển
như ý	duya dũ	dũa dĩa
nhứt báo	dạch pu	dừa pảo
nhứt kỳ	dạch lị	dừa chia
nhà sách	xuĩa cục	xuĩa chuĩa
nhà sùn	củ cược ục	cáo chè ủa

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
nhà thuốc tây	xây được sòn	xĩa dẻ sắ
nhạc hội	dâm ngọt wúi	diển dẻ ỳ
	○	
ong mặt	mạch sảng	mĩa sảng
oan gia	dúl cá	dél chĩa
oan ường	dúl wòn	dél wàn
oanh tạc	quảng cha	quấn chĩa
oa tàng	wó tsòn	wỏ tsal
	○	
ồm	xâu	xú
ồ	lâu, tsáo	tsảo
ốc	thil lỏ	thẻ lỏ
ôm	lăm	ph-ào
ông	xỉl xáng	xén xól
ổng điều	dil đầu	dél tù
ổng nước	xúi hầu	xùy hủ
ổng quần	fuu cược	khàa chèo
ổng táo	chu quánh	chũa quẩn
ôn tập	wánh chạp	wẩn chia
ổng dòm	mòn dyl keng	wát dẻl chiến
	○	
ở	hầy	chài
ơn	dánh	ấn

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
ơ	lầy wot	nla wó
ớt	lắt chiều	nạ chèo
ớt tươi	xáng lắt chiều	xấn nạ chèo
ớt tương	lắt chiều chương	nạ chèo chát
ớt khô	lạt chiều kól	cát nạ chèo

PH

phòng (buồng)	fón	fál
phòng khách	hạc theng	khó thiến
phơi khô	xai cón	xái cá
phồn hoa (thanh)	fál xing	fál tsán
phong tục	fúng chuc	fúng chũa
pha ly	pó lý	pó lĩa
phá hư	cáo wái	lúng wái
pha trà	tsúng tsá	tsúng tsá
phân chia	fánh ph-ai	fán ph-ai
phía sau	hần pít	hủ mết
phá hoại	fo wái	ph-ó wái
phạm nhờn	fán dánh	fál dánh
phạm tội	fán chổi	fál chủy
phản đối	fál toi	fál tui
pháo đài	ph-ao thỏi	ph-áo thỏi
pháp đình	fát thng	fạ thiến
pháp luật	fát luật	fạ lĩa
phát âm	fát dâm	fả diễn

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
phước (phúc)	fúc	phũa
phát tài	fát tsai	fá tsai
phẩm chất	pánh chách	pán chũa
phân giải	fánh cái	fán chẻ
phân phối	fánh sui	fán ph-ii
phê bình	ph áy ph-ính	ph-ia ph-iến
phi lễ	fi lạy	fi lia
phân biệt	fánh pít	fán pẻ
phong cảnh	fúng cing	fúng chiến
phụ trợ	fũa trỏ	fũa chỏ
phục tùng	fúc tsung	fũa tsung
phương pháp	fón fát	fúng fả
phục tạp	fúc chụp	fũa chũa
phá đảm	xal ton	xal tàng
phả lễ	fo lạy	ph-ó lia
phát ngôn	fát dil	fá dẻ
phát hành	fát hón	fá xiến
phía trước	tsít pít	tsét mết
phân thoa sải	xón xánh fánh	xúl xấn fán
phong giấy (văn phòng)	bát cũng	pát cũng xũa
phối hồ	tsá chừ-ong	tsá chát mũa
	wũa	
phòng bệnh	dừ mũa xỏ	dua mũa xỏ

QU

que	pay	ph-ó
qua	mũa a	ua da

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
quế	duc quây	dũa quây
quần dài	tsurong suu	tsal khua
qua	lậy mạch	lia wua
qua sông	co hoi	quô khai
quán sách	xuğa thal	xuğa thal
quạt giấy	chil xil	chura xel
quạt lông	mù xil	mảo xel
quây chỉ	tả xá	là xá
quế quán	cá hương	chá xel
quan âm	kuól dăm	quát diên
quan viên	kuól dól	quát del
quần hạt	kuól hạch	quát hơ
quảng cáo	côn cu	quát cáo
quân đội	quánh tôi	chiên tui
quyết tâm	khuyt xăm	chẹ xiên
quyền lợi	khuil li	tsel lia
quí khách	quây hạt	quí khở
quy định	khuấy tưng	quấy tiến
quốc hội	koọt wui	quô wui
quyền hành	khuil lực	tsel lia
quyết đấu	khuyt lâu	chẹ tú
quần (xi lip)	xám cọt suu	xal chè fúa
quán (cà phê)	cà fé ton	khá fi tal

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
răng	ngà	dả
ruộng	thil	thel
rùa	quây	quít
rắn	xê	xỏ
ra	wò cól	hở cól
rác	lạp xap	lạ xỏ
rầu	dấu x lu	dú xỏ
rếp	mục xách	múa xạ
rửa mặt	xây mül	xia lèl
rửa tay	xây xâu	xia xủ
rút ra	lái tsuất	lá tsuô
rót trà	chăm tsà	tào tsả
rom rác	phây mạch	fây wúa
rắc rỏi	mả fải	mả fải
ra đường	tsuất côi	tsuá ché
rách hết	lài xay	hoái lơ
rãnh rẽ (rõ)	tsing tsỏ	tsiễn tsuá
rãnh rang	tắc hál	khùng xel
ráp máy	hâm ki	hẩn chia
răng dạy	cao fanh	chèo xiên
răng cấm	tài ngà	lá dả
rầy lộn	ai cáo	mả chú
rẽ cây	xuğa cánh	xuğa cấn
roi máy	thăng pil	thần pèl

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
roi ngựa	mạ pít	má pít
rọi kiếng	chiên keng	chéo chiến
rớt bề	tít lál	lẻ lal
ruột xe	tsé tsuông	tsó tsal
rã hội	xal wít	xál wáy *
rạp hát	hi dủl	tsia xet
rễ phu	poil lón	pán lal
rau	hường fá tsá	xét hòa tsáo
ráp xe đạp	hám lú tsé	hán tá tsó

S

sách	xuya	xúa
sả	hường mào	xét mào
sải-gòn	xây cung	xia cung
sai bảo	chiá xiá	chưa xtra
săn bản	lẻ liệp	tả lẻ
sung công	tsung cung	tsung cung
sa ngã	tỏ lợt	tỏ lỏ
sạch sẽ	cól cheng	cól chiến
say rượu	chói châu	chúy chủ
sang nhà	lìng úc	tiền ủa
sang tên	chul mêng	chốt miện
sáng sớm	xành chủ	xận chào
sanh đồ	xàng dục	xấn dúa
sáp trắng	pác lạp	pá lả

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
sáp vàng	wón lạp	wăng lạp
sau lưng	pui hầu	pít hủ
sắc mặt	mít xức	mé xợ
sắc thuốc	pủ dước	páo dẻ
sấp đặt	pu chia	púa chứa
sấp hàng	ph-ai tôi	ph-ai tùy
sân banh	khâu tsuông	tsieu tsal
sân khấu	hì thoi	đil mó
sầu riêng	lầu lít	lủ lể
siêng năng	khánh lực	tsiễn lia
siêng học	khánh họt	tsiễn xẻ
sinh bụng	thụ chương	thừa chẻl
so sánh	pỉ cao	piá chėjo
so đo	cáy cao	chia chėjo
sói đầu	coón thầu	quón thủ
sông lớn	tài hồi	tả hải
sơ ý	xó sách	xó sủa
súc miệng	lỏn hầu	lải khủ
súng sáo	xầu tsuông	xù tsál
súng trường	tsuông tsuông	tsál tsál
sửa xe	chỉng tsé	xú lia tsó
sửa hồ	ngầu nại	ngiêu nại
sửa dẻ	đường nại	dải nại
sữa bột	nại fãnh	nải fân
sừng mặt	mít chúng	lẻl chúng

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
sừng cẳng	cược chủng	chèo chủng
sừng trâu	ngầu cọt	ngiêu chèo
sân nghiệp	tsâl dip	tsâl dé
sân phẩm	tsâl pánh	tsâl pôn
sanh hoạt	xằng wuột	xăn wó
sanh lý	xằng lị	xăn lla
sĩ quan	xì kòul	xưá quál
sưu tầm	xảo tsâm	xư tsôn
sượng sừng	cám cai	lải tsé
sâm cao ly	củ lầy xãm	cáo lla xăn
sân máy bay	fì kí tsưông	fì chìa tsal

T

tin	tsing	tsân
lay	xâu	xu
tên	mêng	miên
tam	châm xii	chál xưá
tầm	tsúng lưông	tsúng lẹl
tiệm	ph-u thầu	ph-ua, tét
tỏi	xul thầu	tsúng thủ
tím bạc	lăng xãm	tán xăn
tú hít	ngành cầy	khủ xáo chừa
tú tit	tsúng môn	tsúng mại
tuy nhiên	xui dũl	xúy lạt
tất cả	xỏ dậu	xỏ dù

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
tái cán	pủl xil	păn xưá
tàn lạc	xách lợt	xưá ló
tanh hồi	xeng muôi	xăn măn
tàn bướm	xưông xul	xal tsoal
tắt đèn	xức lẳng	xưá tăn
tập nói	họt cón	xẻ chếng
tập viết	họt xê	xẻ xê
tiệm nước	tsà thỏi	tsạ liêu (thỏi)
tiệm cơm	fal tiem	fal tét
tiệm vàng	cám ph-uu	chiến ph-ua
tiệm chánh	chính ph-uu	chăn ph-ua
tiệm ngành	chỉ liem	chưá lól
tôm khô	há mạy	há mui
tủ áo	dũl quây	dia quây
tủ sắt	cạp mại	chạ wul
túi áo	xám tói	xal tái
túi quần	fuur tói	khưá tái
tươi nước	lâm xui	lôn xuy
tươi mới	xánh xil	xăn xel
tóc phẩm	chọi pánh	chọ piên
tối sản	tsôi tsal	tsai tsal
tài liệu	tsôi liêu	tsai lèo
tân dương	chal đường	chál dạt
tiếp đãi	chín tời	chèo tái

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
tiền thu	xiêu fo	xêu xu
lộc thành	tsúc xing	tsua tsân
lòn trọng	chuyển chùng	chót chùng
tốt nghiệp	pách dip	pia dé
tủ tài	xâu tsôi	xu tsai
tiến bộ	chuân pù	chiến pua
tiền hóa	xu fa	xéo hóa
tuyệt giao	chuyết cáo	chẹ chéo
tự lập	chil lạp	chira lia
tương lai	chưong loi	chêl lăi
tàu lặn	tsim xui theng	tsêl xuy thiên
tiệm may	tsé dui ph-uu	tsô dia têt
tiệm giặt	xây dui ph-uu	xia dia têt
tiệm thuốc bắc	duoc tsôi ph-uu	dé tsai têt
lũ kiến	pô li quây	pô lia quây
tuổi, nhỏ tuổi	xuôi, nil kî hêng	xuy, nel chia tsit

TH

tha	fon	fai
than	thal	thál
thang	thây	thia
thần khoản	xing thần	tsân thủ
thần hóa	xâu fô	xu fô

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
thu xếp	xấu xấp	xu xya
thuê nhà	chủ ngục	chúa ủa
thong thả	mål mål	mål mål
thất bại	xách pài	xya pài
thề dục	thầy dục	thia dia
thành công	xing cùg	tsân cùg
thích hợp	xích hạp	xira hơ
thầy thuốc	diit xãng	dia xăn
thơ ký	xuğa ky	xua chia
than đá	mùi thal	mii thál
thất lạc	xách löt	xya lô
thay mặt	tôi piêu	tái pèo
tham lam	thám xãm	thál xăn
thâu tiền	xấu tsil	xu tsel
thâu tiền phổ	xấu chú	xu chúa
thấp đèn	tim lăg	tên lăg
thấp nham	tim hương	tên xên
thùng cây	mục xươg	múa xal
thành thật	xing xach	tsân xya
thọ thai	xâu thối	xu thái
thông dụng	thung dùng	thung dùng
thông hành	thung hăng	thung xil
thông ngôn	tsul wôa	tsol hóa
thông tin	thung xuân	thung xiên
thông thường	thung xươg	thung tsal

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
thương lượng	xương lượng	xê lết
thường thức	xương xích	tsai xưa

TR

trời	pôn	pài
tròn	dùl	doal
trộm	thầu	thủ
trà	tsà díp	tsà dè
trốn	pì mài	tò pít
tra xét	kiêm tsà	chêl tsà
trả lời	tạp fúc	tạ fúa
trả thù	pu xâu	páo tsủ
trái chiều	ph-ủ chęc	ph-ủa chừa
trao đổi	cáo wùl	cháo wàl
treo cao	qua củ	quá cáo
trẻ giờ	co chúng	quó chúng
trên lầu	lầu xưong	liêu xal
trị bệnh	dĩ pên	đĩa piển
trộn lộn	lủ lủ	lũng lól
trông thấy	thầy kil	khát chél
trồng cấy	chung tsoi	chúng tsai
trạng sư	chòn xiá	chát xưa
trát tự	liệt chồi	chê xia

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
triền lãm	chỉl lảm	chại lal
triệu tập	tsiu chap	chèo chả
trọng yếu	chùng diu	chúng dèo
trù bị	tsau pi	tsủ pít
trọng thương	chùng xưong	chúng xal
truyền đơn	tsul lal	tsól lal
trung hiếu	chùng hao	chúng xéo
trực tiếp	chực chip	chứa che
trung cầu	chính khâu	chưng tsiêu
trồng tía	chung chực	chưng chừa
tro, nước tro	fúi, cẩu xủ	thát, che xưy
trở lại	fal chul thau	fal chót thủ

U

uy tín	wấy xuân	wủy xiển
uy hiệp	wấy hiệp	wủy xê
ủy thác	wấy thọt	wil thỏ
ủy viên	wấy dail	wil dẻl
ủy quyền	wấy khull	wil tsẻl
ủy lao	wấy lủ	wil, lảo
ủy nhiệm	wấy dảm	wil dẩn
ững họ	dũng wũa	dùng hũa
ũn áo	ihon xam	thát xal

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
uốn tóc	kul fatt	chè fạ
uống trà	dâm tsà	hớ tsả
uỷên tiếc	dul xích	dêl xĩa
u ám	hắc âm	hii á!

U

ưu, thích	chúng dii	tsia khoá!
ưu giốn	hu fải	hảo wál
uớc ao	hi môn	tsia wál
uớp cá	dip duyạ	dêl dĩa
uớt hết	xấp xay	xớ lơ
ứng dụng	dìng dúng	diễn dúng
ứng thi	dìng xii	diễn xĩa
ước định	duợc ting	de tiến
ưu đãi	dấu tồ	dù tái
ưu tâm	dấu xãm	dù xiễn
ứng thù	dìng tsầu	diễn tsủ
ưng ý	hấp dii	hợ dĩa
ừ ! được rồi	ồ ! tắc la	ồ ! lờ lơ

V

vá	pủ	pũa
vác	thọt	thỏ

TIẾNG-VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
vải	pu	pũa
vào	dập	chiến
vấn	tủl	tól
vặn	nầu	nầu
vờ	mạch	hoáo
vui	fủl hi	khoát tsia
vòng	tiêu tsón	téo tsảl
vách tường	chũl tsường	chól tsảl
vách ván	pủl tsường	pól tsảl
văng về	chực mọt	chựa mó
vé xe	tsé ph-iêu	tsớ ph-éo
vé tàu	xủl ph-iêu	tsốl ph-éo
vẽ hình	wạc xưong	ivá xal
viên	nộp	lía
viếng thăm	pai foóng	pái fải
viết thơ	xẻ xuân	xẻ xiễn
viết đơn	xẻ pánh	xẻ pãn
vôi bột	pạc fủi	pái hủg
vuông vức	ling fón	tiễn fải
vừa lúa	củc tsón	của tsảl
vừa củi	tsai lál	tsải lál
vườn bóng	fá dủl	hóa dêl
vườn cây	cỏ dủl	quô dêl
vườn cải	tsoi dủl	tsải dêl

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
vô ích	mụ dich	wua dia
vô khi	mụ hi	wua tsia
vải bố	fâl pu	fâl pua
vừa giày	hài tsầu	xê tsù
vui lòng	đul dii	dêl diá
văn chương	mãnh chương	wân châl
văn hóa	mãnh fa	wân hóa
văn bản	mãnh ph-âng	wân ph-iên
văn kiện	mãnh kíl	wân chel
văn minh	mãnh ming	wân miên
văn nghệ	mãnh ngdy	wân dia
văn đề	mãnh thầy	wân thia
vấn đáp	mãnh tap	wân tả
vấn động	wánh tưng	diên tưng
vấn tài	wánh chôi	diên chái
vệ sinh	wăy xưng	wuy xăn
vì phạm	wăy fúl	dia fúl
vì nhơn	wăy danh	wuy dân
vĩnh dự	ming duga	dùng dia
vĩnh biệt	wjng pít	dùng pê
vĩnh viễn	wjng đul	dùng dêl
vô ý	mù dii	wua dia
vô tuyến diện	mù xil til	wua xel tel
van vãi	khì thủ	tsia thua

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
văng hát	xal tsường	xal tsâl
ván gỗ	cây ngò pải	chla ở pâl
	X	
xa	dul	dol
xi	til tù	têl túa
xử	tsuya nị	tsúa lia
xấu	tsâu	tsù
xách nước	wâl xui	wâl xuy
xay bột	mò fãnh	mô lân
xào đồ ăn	tsáo xung	tsáo xung
xé rách	xil lâl	xura lâl
xéo xeo	mê tsê	mê tsô
xét giấy	tsá chũ	tsá chura
xương	lọt	lô
xuồng	then chầy	xêo thien
xử sở	cà hương	chà xel
xức dầu	tsá dầu	tsá diêu
xạ kích	xê cửu	xê chia
xã hội	xê wuôi	xô wuy
xát thật	khọt xach	chê xura
xảo huyết	cảo wạt	cảo hòa
xâm chiếm	tsâm chiêm	tsân chén
xâm lược	tsâm lược	tsân lê
xi nghiệp	khị dip	tsia dê

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
xiêm la	<i>tsim lò</i>	<i>tsál lò</i>
xi-ra	<i>hài đầu</i>	<i>xê điều</i>
xây nhà	<i>hỉ úc</i>	<i>chét ủa</i>
xem sách	<i>thầy xưá</i>	<i>khát xưá</i>
xà phòng (bông)	<i>fát kải</i>	<i>fát chét</i>

Y

y theo	<i>dii chiêu</i>	<i>día chéu</i>
y muốn	<i>dii kil</i>	<i>día chét</i>
y được	<i>dii được</i>	<i>día dè</i>
y học	<i>dii học</i>	<i>día xe</i>
y sĩ	<i>dii xăng</i>	<i>día xăn</i>
y chi	<i>dii chia</i>	<i>día chĩa</i>
yếm khi	<i>dĩm hi</i>	<i>dél lsa</i>
yếm thể	<i>dĩm xáy</i>	<i>dél xưá</i>
yếm họ	<i>dĩm wua</i>	<i>dél hũa</i>
yên tâm	<i>ổn xãm</i>	<i>ál xiễn</i>
yến hội	<i>dil wũ</i>	<i>dél wuy</i>

PHỤ LỤC BÁ-GIA-HỌ

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
âu	<i>ngầu</i>	<i>ú</i>
bí	<i>pi</i>	<i>piá</i>
báo	<i>báo</i>	<i>páo</i>
bánh	<i>ph-àng</i>	<i>ph-ál</i>
búi	<i>pui</i>	<i>ph-ủy</i>
ba	<i>pá</i>	<i>pá</i>
cỏ	<i>cũn</i>	<i>của</i>
cam	<i>cũn</i>	<i>cál</i>
cốc	<i>cúc</i>	<i>cúa</i>
cừu	<i>xầu</i>	<i>tsủ</i>
cao	<i>cú</i>	<i>cáo</i>
cổ	<i>cua</i>	<i>cúa</i>
châu	<i>chầu</i>	<i>chú</i>
chung	<i>chúng</i>	<i>chúng</i>
chiêm	<i>chĩm</i>	<i>chén</i>
châu, chu	<i>chũa</i>	<i>chúa</i>
chư	<i>chũa</i>	<i>dĩa</i>
dương	<i>dường</i>	<i>dưỡng</i>
doãn	<i>wạnh</i>	<i>diễn</i>
diệp	<i>dip</i>	<i>dé</i>
diệc	<i>dực</i>	<i>dĩa</i>

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
du	dầu	du
dâm	thâm	thải
diên	thil	thẻ
đặng	tằng	tấn
đồng	tũng	tùng
đổ	tù	túa
đào	thù	thảo
đường	thòn	thản
đời	lai	tái
đỉnh	ting	tiến
giang	cón	chét
gia	cá	chà
giã	kải	chét
hà	hò	hở
huỳnh hoàng	wồn	wãng
hồng	hùng	hụng
hùng	hùng	hùng
hứa	hỏi	tsia
hoa	fa	hóa
hoắc	khọt	fỏ
hồ	wiua	wua
hàn	hól	hól
ký	khi	tsia
khưn	dấu	dú

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
kha	ó	ó
khổng	hững	hùng
khoáng	khon	khát
liêu	liêu	lẹo
lai	lái	lái
lao	lù	lao
lẽ	lây	lĩa
lưu	lầu	lủ
lương	lường	lẻ
lục	lục	lúa
la	nò	lọ
lời	lừ	lủ
liêu	lậu	lầu
lữ	lụi	lủ
lồ	lư	lúa
lạc	lọt	lỏ
lu	lũ	lũa
lâm	lầm	liền
lam	lám	lại
lãng	lìng	liện
mục	mục	mũa
mao	mù	máo
mai	mùi	mỉ
mạc	mọt	mó
miêu	miu	mẹo

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
mã	ma	mà
mạch	mặc	mờ
nòng	hùng	nùng
nguyên	dul	dél
nguy	ngây	wuý
ngô	ưng	wuá
nguy	ngây	wuý
nghiêm	dìm	dél
nghe	ngây	wuý
nhân	ngál	dél
nhâm	dâm	dân
ô	wúa	wúa
ôn	wánh	wán
ông	dùng	dùng
phùng	phùng	fùng
phạm	phát	fát
phương	fôn	fàng
phó	fua	fua
phủ	fua	fua
phan	ph-úl	ph-ál
quan	quál	quál
quách	khọt	chẹ
sa	xá	xá
săm	xăm	xán

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
tô	xu	xúa
tổng	xung	xúng
tiết	xuyt	xẹ
tôn	xúl	xól
trưởng	chưởng	chál
tiền	tsll	tsel
từ	tsúi	tsúa
tăng	chăng	chán
tân	tsuán	tsán
tào	tsù	tsáo
tất	bách	pia
tiêu	xlu	xéo
tà	chè	xé
thi	xii	xíra
thâm	xâm	xán
thời	tsúi	tsúy
thang	thón	thál
thạch	xet	xưa
thái	tsoi	tsái
tri	tsla	tsúra
trang	chón	chál
trinh	tsing	tsón
trương	chưởng	cháng
triệu	chiều	chéo
trình	chèng	chiến

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
trần	tsành	tsăn
trầu	chầu	chủ
ung	đung	đung
nông	wón	wát
úc	dúc	dưc
vỹ	wỹ	wũ
vừu	dầu	dũ
vương	wón	wảng
vu	día	día
võ, vũ	mụ	mũa
y	día	día

TIẾNG VIỆT	T. QUẢNG-ĐÔNG	T. QUAN-THOẠI
hoàn thuốc	duroc dủl	déo dẻl
học sinh	học sáng	xẻ xăn
hồm	kúl tsỏi	quál tsỏi
hỉ mũi	xăng bì thảy	mó pĩa thĩa
hỏi thăm	mãnh hầu	wăn hủ
hội nghị	wúi dị	hủi dĩa
hội quán	wúi củl	hủi quál
hung thủ	hùng xâu	hùng xũ
hỏa tai	fỏ chói	khò chải
hòa giải	wỏ cái	hỏ chè
hàng xóm	luân lý	lần lia
hợp ý	hấp dĩa	hỏ dĩa
hợp đồng	hấp thùng	hỏ thùng
hợp lý	hấp nị	hỏ lia
hành lý	hàng nị	xiền li
hứng gió (mát)	xìng lờng	tsàl lẻl
hương-cảng	hường coong	xẻl cảng
hương thôn	hường tsúl	xẻl tsuól
hương án	hường ôn	xẻl hál
hương-tạo	hường tũ	xẻl táo
hương-ưng	hường dĩnh	xẻl diển
hữu-nghị	dậu dũ	dũ dĩa
từng thú	hĩng tsỏi	xiển tsũy
huyện trưởng	dùl chưởng	xẻl che
huấn luyện	fanh lll	fán lẻl

TIẾNG VIỆT

T. QUẢNG-ĐÔNG

T. QUAN-THOẠI

hình trạng	đình chôn	diễn chát
hiển pháp	hĩl sạt	xẻl sả
hy-vọng	hĩl mòn	xẻl wál
hương-trường	hường chường	xẻl chát
hạm trường	lâm chường	lẻl chát
heo con	duya chũa	đĩa chũa
heo rừng	xẻl chũa	xẻl chũa
hội nhóm	hỏi wủi	khải wủi
hộp giấy	chủi hập	chĩa hỏ
hộp thiết	thịt hập	thẻ hỏ
hớt tóc	chỉl sạt	chẻl sả
hút thuốc	xẻl dỉl	lẻl dẻl
hừa	đình xing	diễn tsần
hừng nước	choón xủi	chát xủi
hiển bình	hĩl bing	xẻl piễn

ia	ó xĩa	lả pẻl
ích kỷ	chủi xĩ	chũa xĩa
im lặng	mũ tsủ	chiễn chũa xỏ
in sách	danh xũa	diễn xũa
it có	xỉn dẫu	xẻl dủ
in (giống)	hủ tsỉ	hỏl xỏl

GIỚI THIỆU CHO CÁC ĐẠN
CÙNG MỘT TÁC GIA BIÊN SOẠN



TRONG QUYỂN SÁCH NÀY
CÓ PHỤ THÊM NGUYÊN-VĂN
HÁN-TỰ, ĐỂ CHO QUÍ-VI
MUỐN NGHIÊN-CỨU XUẤT-XỨ
CỦA TIẾNG QUẢNG-ĐÔNG.